

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	318.417
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	285.529
-	Thuế giá trị gia tăng	220.415
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.204
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	910
2	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	10.478
3	Thuế thu nhập cá nhân	18.800
4	Phí và lệ phí	2.370
-	Lệ phí môn bài	1.645
-	Phí, lệ phí còn lại	725
5	Thu khác và phạt các loại	1.240
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	1.240
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	204.673
1	Chi đầu tư phát triển	6.799
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	6.799
2	Chi thường xuyên (1)	180.145
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	120.540
3	Dự phòng chi	1.016
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	16.713
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	3.980
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	33
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	12.700
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	187.871
1	Bổ sung cân đối	35.021
2	Bổ sung mục tiêu	16.713
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	136.137
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	6.799
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	120.540
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	6.870
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	5.452
	Quỹ tiền thưởng	664

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	754
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của phường	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	16
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	1.712

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó:	
			Nguồn vốn trong nước (nguồn đầu tư tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Tổng cộng		6.799	5.399	1.400
1	Trường THCS Ngô Mỹ	200	-	200
2	Trường TH Võ Văn Dũng	200	-	200
3	Trường TH Hải Cảng (cơ sở Hải Minh)	200	-	200
4	Trường THCS Đống Đa	200	-	200
5	Trường THCS Lê Hồng Phong	200	-	200
6	Trường Mầm non Quy Nhơn	200	-	200
7	Chỉnh trang khu vực 1 phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn	214	14	200
8	Trường THCS Lê Hồng Phong	4.906	4.906	-
9	Trường MN Hoa Hồng - Hạng mục Nhà lớp học và công trình phụ trợ	479	479	-

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thành phố Quy Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

PHƯỜNG QUY NHƠN ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	68.084
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	59.167
-	Thuế giá trị gia tăng	49.465
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.602
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	100
2	Lệ phí trước bạ	4.299
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	2.124
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.840
5	Phí và lệ phí	304
-	Lệ phí môn bài	184
-	Phí, lệ phí còn lại	120
6	Thu khác và phạt các loại	350
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	350
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	87.755
1	Chi đầu tư phát triển	400
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	400
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	-
2	Chi thường xuyên (1)	78.200
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.159
3	Dự phòng chi	583
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	8.572
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.555
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	17
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.000
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	74.616
1	Bổ sung cân đối	16.554
2	Bổ sung mục tiêu	8.572
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	49.490
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	400
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	44.159
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.479
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.787
	Quỹ tiền thưởng	342
	Kinh phí hoạt động	350
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	300
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	16
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	202
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	934

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG NĂM 2025

PHƯỜNG QUY NHƠN ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	400
1	Chỉnh trang đô thị Khu đất Hợp tác xã nông nghiệp Nhơn Bình 1, phường Nhơn Bình	200
2	Trường Mẫu giáo Nhơn Lý	200

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thành phố Quy Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG QUY NHƠN TÂY**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	45.973
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	43.182
-	Thuế giá trị gia tăng	35.803
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.309
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	70
2	Lệ phí trước bạ	768
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	818
4	Thuế thu nhập cá nhân	780
5	Tiền sử dụng đất	
6	Phí và lệ phí	125
-	Lệ phí môn bài	80
-	Phí, lệ phí còn lại	45
7	Thu khác và phạt các loại	300
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	300
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	54.542
1	Chi đầu tư phát triển	6.100
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	6.100
2	Chi thường xuyên (1)	43.309
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.901
3	Dự phòng chi	302
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	4.831
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	780
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	51
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.000
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	51.150
1	Bổ sung cân đối	11.999
2	Bổ sung mục tiêu	4.831
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	34.320
-	<i>Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về phường (2)</i>	6.100
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý</i>	23.901
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về phường</i>	3.178
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.490
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	303
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	385
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	300
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	32
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	276
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	533

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG QUY NHƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	6.100
1	Nâng cấp GTNT xóm 4 thôn Long Thành, xã Phước Mỹ	700
2	Công viên xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	5.000
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu đất chợ tạm xã Phước Mỹ	100
4	Xây dựng mới khu thể thao thôn Long Thành, xã Phước Mỹ	100
5	Nâng cấp GTNT liên thôn từ trường Mẫu giáo đến nhà ông Nguyễn Long Khánh xóm 2 thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ	100
6	Nâng cấp GTNT liên thôn từ cầu chợ chiều đến cầu Nhị Hà thôn Mỹ Lợi, xã Phước Mỹ	100

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thành phố Quy Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG QUY NHƠN NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	169.128
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	153.019
-	Thuế giá trị gia tăng	116.676
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.003
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	340
2	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	6.849
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.580
4	Phí và lệ phí	1.080
-	Lệ phí môn bài	730
-	Phí, lệ phí còn lại	350
5	Thu khác và phạt các loại	600
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	600
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	124.894
1	Chi đầu tư phát triển	200
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	200
2	Chi thường xuyên (1)	115.792
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	72.124
3	Dự phòng chi	717
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	8.185
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	2.172
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	13

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	6.000
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	787
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	115.144
1	Bổ sung cân đối	26.842
2	Bổ sung mục tiêu	8.185
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	80.117
-	Chi đầu tư các danh mục thành phố bàn giao về phường (2)	200
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	72.124
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố chuyển về phường	6.162
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	4.886
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	592
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	684
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của phường	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	16
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	1.415

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN
SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025****PHƯỜNG QUY NHƠN NAM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	200
1	Xây dựng Chợ khu vực 2 phường Ghềnh Ráng	100
2	Cải tạo, nâng cấp chợ Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	100

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thành phố Quy Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG QUY NHƠN BẮC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	66.054
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	59.593
-	Thuế giá trị gia tăng	41.648
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.865
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	80
2	Lệ phí trước bạ	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	2.731
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.850
5	Tiền sử dụng đất	
6	Phí và lệ phí	420
-	Lệ phí môn bài	260
-	Phí, lệ phí còn lại	160
7	Thu khác và phạt các loại	460
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	460
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	71.509
1	Chi đầu tư phát triển	800
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	800
2	Chi thường xuyên (1)	63.153
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	38.443
3	Dự phòng chi	364
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	7.192
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.177
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	15
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	6.000
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	634
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	67.129
1	Bổ sung cân đối	14.185
2	Bổ sung mục tiêu	7.192
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	45.752
-	Chi đầu tư các danh mục thành phố bàn giao về phường (2)	800
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	38.443
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố chuyển về phường	5.433
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	4.334
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	523
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	576
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	35
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	227
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	614

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

PHƯỜNG QUY NHƠN BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Nguồn vốn trong nước	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	800	700	100
1	Cải tạo, xây dựng Chợ An Thạnh phường Nhơn Phú	100	0	100
2	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Trạm y tế phường Trần Quang Diệu	700	700	-

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thành phố Quy Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ NHƠN CHÂU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	171
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	110
-	Thuế giá trị gia tăng	93
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17
2	Lệ phí trước bạ	10
3	Phí và lệ phí	1
-	Lệ phí môn bài	1
4	Thu khác và phạt các loại	50
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	50
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	15.143
1	Chi đầu tư phát triển	3.692
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	3.692
2	Chi thường xuyên (1)	10.834
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.078
3	Dự phòng chi	140
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	477
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	225
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	8
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	244
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	15.072
1	Bổ sung cân đối	7.072
2	Bổ sung mục tiêu	477
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	7.523
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	3.692
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	3.078
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	338

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	266
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	33
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	39
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	200
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	29
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	186

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ NHƠN CHÂU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn vốn trong nước (nguồn đầu tư tập trung)
	Tổng cộng	3.692
1	Xây dựng các phòng học chức năng và công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo công lập xã Nhơn Châu	3.692

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	125.837
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	52.840
-	Thuế giá trị gia tăng	38.970
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.870
2	Lệ phí trước bạ	2.938
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	1.177
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Tiền sử dụng đất	65.000
6	Phí và lệ phí	518
-	Lệ phí môn bài	395
-	Phí, lệ phí còn lại	123
7	Thu khác và phạt các loại	3.364
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	3.364
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	179.808
1	Chi đầu tư phát triển	87.373
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	65.000
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	22.373
2	Chi thường xuyên (1)	71.889
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	41.281
3	Dự phòng chi	1.718
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	18.828
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	5.102
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	179
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	10.100
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	3.447
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	2.561
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	101.575
1	Bổ sung cân đối	7.616
2	Bổ sung mục tiêu	18.828
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	75.131
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về phường (2)	22.373
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	41.281
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về phường	3.599
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>2.868</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>352</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>379</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	6.411
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	30
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	288
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	949

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	22.373
1	Tuyến đường trục N2 Đông - Tây (Điểm đầu tiếp giáp ĐT.636 đoạn thôn Mỹ Thạnh đến điểm cuối đường An Thái 3 đoạn phía Nam UBND xã)	2.550
2	Công viên An Thái, Nhơn Phúc	1.993
3	Cầu Phụ Ngọc (cũ)	4.290
4	Chợ An Nhơn	5.544
5	Nhà Văn hóa trung tâm thị xã An Nhơn	10
6	Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.636 (đoạn từ đường sắt phường Bình Định đến ngã tư giao nhau với đường Tây tỉnh)	2.433
7	Mở rộng QL1 đoạn Km1211+110 – Km1211+799,21 (hạng mục di dời hệ thống điện chiếu sáng)	9
8	Kè đoạn từ cầu trường thi đến đập thanh hòa, thị xã an nhơn	50
9	nâng cấp tuyến đường đê bao, phường bình định, thị xã an nhơn (giai đoạn 2)	3.130
10	GPMB thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT.636	671
11	Tuyến đường Bắc - Nam số 1: Đoạn từ ĐT.636 đến Tân Dân - Bình Thạnh	8
12	Nhà làm việc Thị ủy An Nhơn - Hạng mục Xây dựng mới kho lưu trữ và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	64
13	Xây dựng, chỉnh trang đô thị tại khu vực chợ Bình Định (cũ)	453
14	Thảm nhựa, đảm bảo an toàn giao thông đường Cần Vương, phường Bình Định	1.168

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã An Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG AN NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	78.892
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	19.300
-	Thuế giá trị gia tăng	15.360
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.940
2	Lệ phí trước bạ	1.160
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	610
4	Tiền sử dụng đất	55.000
5	Phí và lệ phí	352
-	Lệ phí môn bài	269
-	Phí, lệ phí còn lại	83
6	Thu khác và phạt các loại	2.470
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	2.470
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	146.163
1	Chi đầu tư phát triển	62.700
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	7.700
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	55.000
2	Chi thường xuyên (1)	61.713
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	41.145
3	Dự phòng chi	1.418
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	20.332
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	8.453
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	128
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	10.000
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.751
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	85.520
1	Bổ sung cân đối	10.238
2	Bổ sung mục tiêu	20.332
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	54.950
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	7.700
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	41.145
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.956

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.541
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	201
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	214
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	2.587
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	5
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	442
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	915

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

PHƯỜNG AN NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Tổng cộng		7.700
1	Đầu tư xây dựng công viên Vân Sơn, Nhơn Hậu	971
2	Mở rộng đường giao thông từ đường ĐH.34 đến trạm bơm Đại Bình	158
3	Cầu Thị Lừa (cầu mới)	1
4	Trường Tiểu học Nhơn Mỹ (điểm chính Thiết Tràng) - hạng mục Nhà chức năng phục vụ học tập 02 tầng 06 phòng	810
5	Trường Tiểu học Nhơn Phúc, hạng mục Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính Mỹ Thạnh	359
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.35 (đoạn từ đường trục Đông - Tây đến đường trục Bắc - Nam số 1)	1.142
7	cầu thiết tràng, xã nhơn mỹ, thị xã an nhơn	284
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Thị Lừa đến Khu di tích Chi bộ Hồng Lĩnh	67
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào Đàn Nam Giao, xã Nhơn Hậu	495
10	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 19B với cụm công nghiệp Tân Đức	3.413

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã An Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

PHƯỜNG AN NHƠN ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	36.172
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	12.390
-	Thuế giá trị gia tăng	8.970
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.420
2	Lệ phí trước bạ	1.006
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	213
4	Tiền sử dụng đất	20.000
5	Phí và lệ phí	126
-	Lệ phí môn bài	102
-	Phí, lệ phí còn lại	24
6	Thu khác và phạt các loại	2.437
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	2.437
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	117.933
1	Chi đầu tư phát triển	69.162
	Bao gồm:	
-	Nguồn tính bổ sung mục tiêu	49.162
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	20.000
2	Chi thường xuyên (1)	37.212
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.178
3	Dự phòng chi	608
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	10.951
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	4.352
-	Thực hiện chính sách giết mổ động vật tập trung	2.110
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	86
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	3.400
-	Bổ sung kinh phí cho trạm y tế cấp xã	
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.003
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	93.072
1	Bổ sung cân đối	5.523
2	Bổ sung mục tiêu	10.951
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	76.598
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	49.162
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	22.178
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.550
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.032
	Quỹ tiền thưởng	245
	Kinh phí hoạt động	273
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	1.862
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	5
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	78
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	563

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG AN NHƠN ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	49.162
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất tiếp giáp về phía bắc khu dân cư đông Nguyễn Văn Linh và phía nam khu dân cư Tôn Thất Tùng	1.178
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông đoạn từ ngã tư đường mới thôn Háo Đức đến quán Bàu Sáo (giai đoạn 3)	246
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Dân - Bình Thạnh (Đoạn từ cổng làng thôn Tân Dương đến giáp Cầu Phú Đa Tân Dân)	952
4	Hoa viên kết hợp với điểm trưng bày cây Mai vàng và các sản phẩm làng nghề truyền thống An Nhơn	436
5	Xây dựng các hạng mục công trình thuộc đề án phát triển làng nghề sản xuất cây mai vàng Nhơn An	118
6	Khu dân cư tiếp giáp với KDC N4A nối dài về phía tây, phường Nhơn Hưng	3.371
7	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía đông	9.375
8	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía đông (Giai đoạn 1: Thi công trục đường chính)	7.754
9	Tuyến đường Bắc - Nam số 3 (đường liên phường): Đoạn từ Thị đội đến giáp Khu dân cư Cẩm Văn	5.451
10	Tuyến đường từ ĐT.636 (Nhơn Khánh) kết nối với đường ĐH.35 Tân Dân - Bình Thạnh (Nhơn Hậu) và theo đường ĐH.35 đến đường Trường Chinh (Nhơn Hưng)	7.825
11	Tuyến đường N4 khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	4.853
12	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, hạng mục: Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	7.566
13	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	37,00

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã An Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ AN NHƠN TÂY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	72.065
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.170
-	Thuế giá trị gia tăng	6.840
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.330
2	Lệ phí trước bạ	662
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	205
4	Tiền sử dụng đất	60.000
5	Phí và lệ phí	75
-	Lệ phí môn bài	55
-	Phí, lệ phí còn lại	20
6	Thu khác và phạt các loại	1.953
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	1.953
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	104.474
1	Chi đầu tư phát triển	63.469
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	60.000
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	3.469
2	Chi thường xuyên (1)	31.720
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.727
3	Dự phòng chi	1.408
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	7.877
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	4.255
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	85
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	2.700
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	837
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	40.662
1	Bổ sung cân đối	6.567
2	Bổ sung mục tiêu	7.877
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	26.218
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về xã (2)	3.469
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	19.727
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về xã	1.578
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.274
	Quỹ tiền thưởng	150
	Kinh phí hoạt động	154
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	642
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	5
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	3
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	594

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ AN NHƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	3.469
1	Xây dựng nâng cấp mở rộng giao thông tuyến đường ĐH 36 Quán Cai Ba đi Hồ Núi I (Đoạn từ trường THCS Nhơn Tân đến cống cao Thọ Tân Bắc)	1.034
2	Xây dựng nâng cấp mở rộng giao thông tuyến đường ĐH 36 Quán Cai Ba đi Hồ Núi I (Điểm đầu: Cống cao, Điểm cuối Hồ Núi I thôn Thọ Tân Bắc)	1.014
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT638	1.421

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã An Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG AN NHƠN NAM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	45.258
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	21.770
-	Thuế giá trị gia tăng	15.990
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.780
2	Lệ phí trước bạ	747
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	519
4	Tiền sử dụng đất	20.000
5	Phí và lệ phí	147
-	Lệ phí môn bài	124
-	Phí, lệ phí còn lại	23
6	Thu khác và phạt các loại	2.075
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	2.075
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	89.606
1	Chi đầu tư phát triển	36.084
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	16.084
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	20.000
2	Chi thường xuyên (1)	40.512
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.288
3	Dự phòng chi	627
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	12.383
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	4.648
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	112

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	6.100
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.523
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	231
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	63.710
1	Bổ sung cân đối	5.439
2	Bổ sung mục tiêu	12.383
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	45.888
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	16.084
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	25.288
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.878
	Trong đó:	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.263
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	283
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	332
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của phường	300
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	668
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	5
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	43
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	622

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG AN NHƠN NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	16.084
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Trung Trực (đoạn từ ngã tư An Lộc đến giáp thôn Trường Cửu, xã Nhơn Lộc)	1.560
2	Bê tông xi măng tuyến từ Quốc lộ 19 đến ngã tư Tây Viên - Cầu Suối Dài - giáp Tái định cư Khu công nghiệp Nhơn Hòa	410
3	Tuyến giao thông hai bên kè từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa	4.460
4	Tuyến đường trục Đông - Tây: Đoạn từ ĐT.636, xã Nhơn Khánh kết nối với đường Quốc lộ 19	3.604
5	Tuyến đường từ khu tái định cư Quốc lộ 19, Huỳnh Kim đi An Lộc, phường Nhơn Hòa	518
6	Khu tái định cư phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (phần ngân sách thị xã đầu tư xây dựng mở rộng khu tái định cư) thuộc các dự án thành phần Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn; Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh thuộc dự án Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	4.281
7	Đóng cửa Bãi chôn lấp chất thải rắn thị xã An Nhơn	463
8	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Hòa: Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính An Lộc	788

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã An Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG AN NHƠN BẮC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	60.306
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	6.200
-	Thuế giá trị gia tăng	4.250
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.950
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
2	Lệ phí trước bạ	987
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	276
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Tiền sử dụng đất	50.000
6	Phí và lệ phí	142
-	Lệ phí môn bài	111
-	Phí, lệ phí còn lại	31
7	Thu khác và phạt các loại	2.701
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	2.701
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	135.438
1	Chi đầu tư phát triển	62.167
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	50.000
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	12.167
2	Chi thường xuyên (1)	52.487
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	33.914
3	Dự phòng chi	1.319
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	19.465
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	7.900
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	196
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	9.933
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.436

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	80.712
1	Bổ sung cân đối	11.265
2	Bổ sung mục tiêu	19.465
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	49.982
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về phường (2)	12.167
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	33.914
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về phường	1.569
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.218</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>161</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>190</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	1.065
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	5
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	204
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	858

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG AN NHƠN BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	12.167
1	Nâng cấp mở rộng đường Trương Hán Siêu nối dài (đoạn từ QL19B đến khu quy hoạch dân cư gần chợ Gò Găng)	495
2	Nâng cấp mở rộng đường Võ Trứ từ đường Trương Văn Đa đến giáp cầu bến Trén (Điểm đầu: Đường Trương Văn Đa; Điểm cuối: Giáp cầu bến Trén)	4.737
3	Đầu tư xây dựng công viên cầu Bến Cảnh	438
4	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông giao thông từ cầu Chũ Y (Nhơn Thiện) đi Thái Bình 1 (Thái Xuân) trên tuyến đường ĐH 37	317
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631 (đoạn đường trục khu kinh tế đến cây xăng Cẩm Vy, xã Nhơn Hạnh)	1.001
6	Nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt tại 3 xã khu Đông	1.778
7	Trường Tiểu học Nhơn Hạnh (điểm Thanh Mai) - hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	240
8	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thành, Phân hiệu Tiên Hội 02 tầng 08 phòng học	240
9	GPMB phục vụ thi công nâng cấp, mở rộng đường ĐT.631	795
10	nâng cấp mở rộng mặt đường đt.631 (đoạn từ ngã 3 bầu sáo, phường nhơn hưng đến chợ quán mới, xã Nhơn Hạnh)	371
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631, xã Nhơn Phong	735
12	Kè Bờ Mọ, thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong (đoạn còn lại)	1.020

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã An Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG BỒNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	88.635
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	39.485
-	Thuế giá trị gia tăng	33.215
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.564
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	156
-	Thuế tài nguyên	550
2	Lệ phí trước bạ	1.565
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	642
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.454
5	Tiền sử dụng đất	42.000
6	Phí và lệ phí	582
-	Lệ phí môn bài	442
-	Phí, lệ phí còn lại	140
7	Thu khác và phạt các loại	907
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	907
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	132.778
1	Chi đầu tư phát triển	49.141
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	42.000
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	7.141
2	Chi thường xuyên (1)	62.915
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	42.625
3	Dự phòng chi	1.101
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	19.621
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	8.604
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	233
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.057
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	3.727

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	85.081
1	Bổ sung cân đối	7.388
2	Bổ sung mục tiêu	19.621
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	58.072
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về phường (2)	7.141
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	42.567
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về phường	3.167
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.457
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	447
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	263
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	3.632
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	34
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	696
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	635

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG BỒNG SƠN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	7.141
1	Trường Mầm non Bồng Sơn, hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng, Nhà hiệu bộ 06 phòng	500
2	Nâng cấp, thảm bê tông nhựa Đường Nguyễn Sinh Khiêm	950
3	Hạ tầng kỹ thuật chỉnh trang đường Hoàng Văn Thụ (đoạn dọc kênh Lại Giang)	1.800
4	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, nhà bảo vệ, hệ thống cấp nước sạch Trường Mầm non Bồng Sơn	150
5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thanh Nghị từ nhà ông Hiệu đến nhà ông Nhựt (Giai đoạn 1)	1.141
6	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ phường Bồng Sơn	200
7	Đèn hoa cổng chào đường Hoàng Văn Thụ	450
8	Điện chiếu sáng công cộng đường Hoàng Văn Thụ, Hồ Xuân Hương, Huỳnh Tịnh Của	300
9	Đường BTXM khu phố Thiết Đính Bắc; loại C; chiều dài: 706m; Hạng mục: Tuyến từ nhà ông Châu đến nhà ông Thống và ông Chương ông Mười, L==304m; Tuyến từ nhà ông Quốc đến nhà ông Đanh và nhà ông Tâm, ông Đâu, ông Bền, L= 402m	150
10	Nâng cấp, thảm bê tông nhựa đường Đô Đốc Mưu	750
11	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Bình Trọng khu phố 5 đoạn từ đường Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng	500
12	Hoa Viên Khu phố Thiết Đính Nam	250

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG HOÀI NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	51.710
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	16.917
-	Thuế giá trị gia tăng	14.079
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.918
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	17
-	Thuế tài nguyên	903
2	Lệ phí trước bạ	979
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	203
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.220
5	Tiền sử dụng đất	31.000
6	Phí và lệ phí	311
-	Lệ phí môn bài	181
-	Phí, lệ phí còn lại	130
7	Thu khác và phạt các loại	1.080
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	1.080
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	134.747
1	Chi đầu tư phát triển	41.711
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	10.711
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	31.000
2	Chi thường xuyên (1)	70.453
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	47.137
3	Dự phòng chi	980
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	21.603
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	11.856
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	408
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	8.677
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	662
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	99.574
1	Bổ sung cân đối	13.802
2	Bổ sung mục tiêu	21.603
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	64.169
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	10.711
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	47.050
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.818
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.383
	Quỹ tiền thưởng	277
	Kinh phí hoạt động	158
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	3.079
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	60
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	361
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	890

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG HOÀI NHƠN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	10.711
1	Xây dựng hệ thống thoát nước từ Nhánh Giữa Kho đến ngã 3 cầu Cộng Hòa, khu phố Cửu Lợi Nam	500
2	Hoa viên cửa ngõ xã Tam Quan Nam.	800
3	Xây dựng đèn tín hiệu giao thông ngã tư ông Hiến	200
4	Nâng cấp, mở rộng bê tông tuyến đường Mai Xuân Thuồng (Lý trình: Nhà ông Có đến nhà ông Lộc)	300
5	Xây dựng Cầu bà Nhượng	300
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà Văn Hóa Cửu Lợi Nam - ĐT 639	1.100
7	Thảm nhựa tuyến đường Võ Văn Kiệt	1.561
8	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Mương Cát khu phố Bình Phú đến cầu Dừa)	900
9	Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông giao lộ Quang Trung - Bà Triệu	300
10	Điện chiếu sáng đường Lê Đại Hành (đoạn cầu Dừa-Ao Cát)	350
11	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Đoàn Tính	1.300
12	Mở rộng, bê tông xi măng và lắp lan can tuyến đường kè sông Xưởng	500
13	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Ý Lan, phường Hoài Thanh	250
14	Thảm nhựa tuyến đường Ý Lan từ Cầu An Dinh, phường Hoài Thanh đến giáp Hoài Xuân	700

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
15	Hệ Thống Nước sạch phường Hoài Thanh năm 2024	400
16	Lắp đặt bổ sung đường ống nước sạch, phường Hoài Thanh	500
17	Tuyến đường từ nhà Hồng - Ao Cừ An Lộc 1	200
18	Bê tông Chợ - Nhà Thành	300
19	Tuyến đường từ nhà Tình - nhà Đầu, Lâm Trúc 1	250

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG TAM QUAN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	53.935
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	27.830
-	Thuế giá trị gia tăng	25.144
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.579
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	46
-	Thuế tài nguyên	61
2	Lệ phí trước bạ	655
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	360
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.386
5	Tiền sử dụng đất	21.500
6	Phí và lệ phí	414
-	Lệ phí môn bài	324
-	Phí, lệ phí còn lại	90
7	Thu khác và phạt các loại	790
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	790
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	89.160
1	Chi đầu tư phát triển	28.641
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	7.141
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	21.500
2	Chi thường xuyên (1)	45.710
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	30.117
3	Dự phòng chi	661
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	14.148
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	7.638
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	200
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	5.929

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	381
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	63.839
1	Bổ sung cân đối	8.284
2	Bổ sung mục tiêu	14.148
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	41.407
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	7.141
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	30.059
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.382
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.080
	Quỹ tiền thưởng	176
	Kinh phí hoạt động	126
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	1.815
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	35
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	150
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	625

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG TAM QUAN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	7.141
1	Nâng cấp, sửa chữa Trần xã lũ Đập Cẩm xã Hoài Châu	750
2	Bó vỉa, vỉa hè tuyến đường ngõ Mười - Ngõ A	150
3	Bó vỉa, vỉa hè tuyến đường Ngõ Xuân - Ngõ Hượng	100
4	Thảm nhựa tuyến đường ngõ Xuân - ngõ Hượng	100
5	Thảm nhựa tuyến đường số 2 (đoạn Hoài Châu)	500
6	Cầu Đập Cẩm thuộc tuyến đường Phụng Du - Túy Sơn	400
7	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến đường Phạm Sư Mạnh và đường phía Nam sân vận động	400
8	Mở rộng tuyến đường Lý Tự Trọng (đoạn đường Quang Trung đến 3/2)	800
9	Lát đá vỉa hè đoạn từ đường 3/2 đoạn 26/3 đến Nguyễn Chí Thanh và đường Lý Tự Trọng	750
10	Nâng cấp, cải tạo vỏ mộ nghĩa trang liệt sĩ	1.491
11	Sân Vận Động Tam Quan	1.200
12	Kè từ cầu Kho Dầu đến cồn Ông Phong	500

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

PHƯỜNG HOÀI NHƠN ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	25.596
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	12.085
-	Thuế giá trị gia tăng	8.942
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.738
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	69
-	Thuế tài nguyên	336
2	Lệ phí trước bạ	681
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	109
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.090
5	Tiền sử dụng đất	10.500
6	Phí và lệ phí	331
-	Lệ phí môn bài	191
-	Phí, lệ phí còn lại	140
7	Thu khác và phạt các loại	800
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	800
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	114.353
1	Chi đầu tư phát triển	21.211
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	10.711
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	10.500
2	Chi thường xuyên (1)	70.129
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.258
3	Dự phòng chi	584
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	22.429
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	12.761
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	317
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	8.667
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	684
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	100.764
1	Bổ sung cân đối	16.812
2	Bổ sung mục tiêu	22.429
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	61.523
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	10.711
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	44.166
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.953
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.499
	Quỹ tiền thưởng	286
	Kinh phí hoạt động	168
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	300
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	2.596
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	27
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	945
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	825

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG HOÀI NHƠN ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	10.711
1	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Bà Triệu (đoạn từ ngã tư Ca Công Nam đến giáp Hoài Thanh)	287
2	Hoa viên phường Hoài Hương	295
3	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường khu dân cư Bàu Hồ	192
4	Hệ thống đèn tín hiệu giao lộ Võ Nguyên Giáp - Trường Sa và Trường Chinh	295
5	Bê tông tuyến đất ông Trình đến nhà Tin, quán Xưa đến nhà ông Tâm, khu phố Nhuận An Đông đến nhà ông Hòa	127
6	Tuyến từ nhà ông Tĩnh đến nhà ông Hiền, tuyến từ nhà ông Khoa đến nhà bà Mỹ	119
7	Bê tông tuyến nhà Tân đến nhà Hợp; Tuyến nhà Bồng đến Miếu và nhánh rẽ; Tuyến từ máy gạo ông Phai đến nhà Quây; Tuyến nhà Nhứt đến nhà Tới	124
8	Mở rộng tuyến đường từ Bản tin Nhuận An đến Nhà văn hóa thôn Nhuận An	135
9	Tuyến nhà bà Thiện đến nhà bà Ảnh; Nhánh nhà Ngô A đến nhà ông Phong; Nhánh nhà ông Huệ đến nhà ông Thanh; Nhánh nhà ông Gan đến nhà bà Liêm	312
10	BTXM tuyến đường khu dân cư xung quanh UBND phường	282
11	Bê tông hóa mở rộng đường giao thông tuyến ngã 3 Thự đến đường ĐT 639	104
12	Tuyến đường từ ngã 3 nhà Mới đến ngã 3 nhà Chơn	350
13	Xây dựng hoa viên (Thanh Xuân Đông, Nhuận An Đông và Thanh Xuân)	397
14	Điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường nội bộ phường Hoài Hương	344
15	Lát vỉa hè đường Võ Nguyên Giáp, phường Hoài Hương (đoạn từ UBND phường đến hết sân vận động)	496
16	Nâng cấp sân nền, tường rào các điểm trường mầm non, tiểu học, THCS	374
17	Nâng cấp, cải tạo tường rào cổng ngõ, sân nền trường tiểu học số 3 Hoài Hương (điểm trường Thiện Đức và Ca Công)	658
18	Thảm nhựa tuyến đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ ngã 3 Thự đến HTXNN dài 605m	703
19	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng dọc bờ kè Kim Giao Nam- Kim Giao Bắc (giai đoạn 1)	300
20	BTXM Tuyến đường vào Nghĩa trang nhân dân xã (Diêu Quang)	201
21	Mở rộng BTXM Tuyến đường từ nhà Trần Rõ thôn Kim Giao Trung đến giáp kè Kim Giao Bắc	269

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
22	Mở rộng BTXM tuyến đường từ nhà văn hoá thôn Kim Giao Nam đến khu thể dục ngoài trời thôn Kim Giao Trung	199
23	Nâng cấp, mở rộng tuyến mương Hoà Bình, xã Hoài Mỹ	1.376
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường BTXM đoạn từ nhà Thế đến nhà Vân thôn Định Công	325
25	Hệ thống điện chiếu sáng (đoạn từ ngã ba Định Công đến ngã ba Công Lương), xã Hoài Mỹ;HM: Đoạn từ thôn Khánh Trạch đến thôn An Nghiệp	246
26	Điện chiếu sáng tuyến đường ĐT 639, đoạn từ quán cà phê Khánh Mỹ đến nhà ông Tâm thôn Xuân Vinh (Giai đoạn 1, từ ngã ba Cây xăng Phú Xuân đến nhà ông Tâm thôn Xuân Vinh	456
27	Đèn chiếu sáng công cộng tuyến Bình Chương- Hoài Mỹ (đoạn từ cổng chào xã Hoài Mỹ đến ngã ba thôn Định Công	365
28	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ Trạm y tế xã Hoài Mỹ đến giáp đường ĐT 639	264
29	Hoa viên khu vực Biểu tượng anh hùng, xã Hoài Mỹ	216
30	Trồng cây xanh từ Trạm y tế đến ĐT 639	178
31	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Bình Chương- Hoài Mỹ (đoạn từ ngã ba thôn Định Công đến trường tiểu học số 2 Hoài Mỹ)	282
32	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã 3 trạm phẩu đến giáp ĐT639	223
33	Biểu tượng xã anh hùng	217

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG HOÀI NHƠN TÂY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	21.994
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	12.648
-	Thuế giá trị gia tăng	11.033
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.277
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	32
-	Thuế tài nguyên	306
2	Lệ phí trước bạ	440
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	90
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.010
5	Tiền sử dụng đất	6.900
6	Phí và lệ phí	206
-	Lệ phí môn bài	136
-	Phí, lệ phí còn lại	70
7	Thu khác và phạt các loại	700
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	700
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	70.802
1	Chi đầu tư phát triển	14.041
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	6.900
-	Nguồn tính bổ sung mục tiêu	7.141
2	Chi thường xuyên (1)	42.482
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.603
3	Dự phòng chi	352
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	13.927
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	7.684
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	182
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	5.669
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	392

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	61.235
1	Bổ sung cân đối	8.590
2	Bổ sung mục tiêu	13.927
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	38.718
-	<i>Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về phường (2)</i>	7.141
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý</i>	26.545
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về phường</i>	2.324
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.770
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	354
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	200
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	200
-	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã</i>	1.386
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	43
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	474
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	605

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG HOÀI NHƠN TÂY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	7.141
1	Xây dựng hệ thống thoát nước và vỉa hè tuyến đường từ cơ khí cũ đến cụm Công nghiệp Tam Quan	900
2	Xây dựng Hoa viên khu phố Phụng Du 2, phường Hoài Hảo	250
3	Xây dựng mới cầu Huân, khu phố Hội Phú	350
4	Hệ thống điện chiếu sáng từ Nghĩa trang liệt sĩ phường đến cầu Phú Sơn	200
5	Xây dựng hoa viên khu phố Hội Phú	150
6	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Bùi Đức Sơn	150
7	Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông Ngã 4 Bùi Đức Sơn và Nguyễn Văn Cừ	300
8	Thảm nhựa tuyến đường Nguyễn Văn Cừ	1.100
9	Xây dựng Hoa viên Khu phố Tấn Thạnh 1	250
10	Thảm nhựa tuyến đường Nguyễn Hữu Tiến	100
11	Gia cố bờ suối khu phố Hội Phú	700
12	Hệ thống thoát nước từ giáp đường Bùi Đức Sơn đến Yamaha Nhơn	300
13	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Văn Cừ	375
14	Chỉnh trang, sửa chữa di tích lịch sử Chiến thắng Chợ Cát	275
15	Trang trí chỉnh trang đô thị phường Hoài Hảo	150

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
16	Mở rộng và nâng cấp tuyến đường từ Ngọc An - Lương thọ đi Hoài Châu	375
17	Gia cố bờ Kè trường TH và THCS Hoài Phú	500
18	Bê tông tuyến mương từ cống đồng Bà Can đến Rộc Đại	366
19	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường ĐT.638 (đoạn từ Trường Tiểu học & Trung học cơ sở Hoài Phú đến giáp Phường Hoài Hảo	150
20	Xây dựng điện chiếu sáng tuyến đường DH 096B từ Tài Nam - Cầu Bà Tăng (Cự tài 1)	200

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG HOÀI NHƠN NAM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	22.161
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	7.460
-	Thuế giá trị gia tăng	6.311
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.023
-	Thuế tài nguyên	126
2	Lệ phí trước bạ	570
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	190
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.075
5	Tiền sử dụng đất	11.700
6	Phí và lệ phí	226
-	Lệ phí môn bài	131
-	Phí, lệ phí còn lại	95
7	Thu khác và phạt các loại	940
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	940
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	77.663
1	Chi đầu tư phát triển	18.841
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	7.141
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	11.700
2	Chi thường xuyên (1)	43.021
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.445
3	Dự phòng chi	443
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	15.358
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	7.456
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	248

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.153
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	501
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	63.304
1	Bổ sung cân đối	7.789
2	Bổ sung mục tiêu	15.358
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	40.157
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	7.141
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	28.382
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.296
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.765
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	321
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	210
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	1.430
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	28
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	85
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	595

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN
SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG HOÀI NHƠN NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	7.141
1	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông giao lộ Trường Chinh – Lương Định Của	200
2	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông giao lộ Trường Chinh – Ý Lan	200
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lê Đình Chinh (đoạn từ ngã ba Lê Đình Chinh - Võ Trường Toản đến ngã ba Lê Đình Chinh - Vạn Thắng)	566
4	Lắp đặt điện chiếu sáng đường Lê Đình Chinh (đoạn từ kẻ trước trường THCS đến trường Mầm non), phường Hoài Xuân	300
5	Bê tông hóa GTNT Tuyến đường từ nhà Bảo đến nhà Toàn, nhà Nguyên, Tuyến đường từ nhà Nhu đến nhà Hoàng, Tuyến đường từ sau nhà Tổ đến nhà Ngôn, Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến nhà Triệu, Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến nhà Hồng, Tuyến đường từ nhà Huệ đến nhà Toàn	400
6	Bê tông tuyến mương từ ngõ Sử đến Cây Gòn, khu phố Đệ Đức 1	100
7	Hoa viên nghĩa trang Liệt sỹ phường Hoài Tân	200
8	Mở rộng Bê tông tuyến đường Nguyễn Hòa từ ngã 4 nhà Miên đến ngõ Công, khu phố Giao Hội 1	250
9	Thảm nhựa tuyến đường Nguyễn Hòa QL1 (Chợ Bông) đến ngã 4 Nhà Miên, khu phố Giao Hội 2	150
10	Sửa chữa, lát đá Granite sân nền Nghĩa trang Liệt sỹ phường Hoài Tân	100
11	Hệ thống nước sạch các tuyến đường Quang Trung, Hải Thượng Lãn Ông, Duy Tân, Lương Văn Can,Đàm Quang Trung, Quang trung thuộc khu phố An Dưỡng	500

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
12	Hệ thống nước sạch tuyến đường Hải Thượng Lãn Ông thuộc KP An Dưỡng 1 và tuyến đường Nguyễn Công Hoan thuộc KP Đệ Đức 3	175
13	Điện chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Công Hoan từ ngã 3 cầu ông Đô, khu phố Đệ Đức 3 đến kênh N2, khu phố An Dưỡng 1	500
14	Làm mới cầu gần nhà Miên, khu phố Giao Hội 2	200
15	Hoa viên đường Lê Thị Hồng Gấm thuộc khu tái định cư số 5, phường Hoài Tân	550
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Đức Cảnh từ đường Quang Trung đến hết cầu kênh N2 khu phố Đệ Đức 3	200
17	Bê tông tuyến đường xung quanh khuôn viên sân vận động phường Hoài Tân	550
18	Điện chiếu sáng tuyến đường từ sân vận động phường Hoài Tân đến giá nhà ông Đền, tổ 1, KP Đệ Đức 2	450
19	Thảm nhựa tuyến đường Tôn Thất Thuyết đoạn từ giáp QL1 đến cầu thầy Đen, khu phố Đệ Đức 3	400
20	Thảm nhựa tuyến đường Nguyễn Hòa từ ngã tư nhà Miên đến ngã ba đường Kha Vạn Cân, khu phố Giao Hội 1	450
21	Điện chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Huy Tưởng và tuyến đường Tôn Thất Thuyết đoạn qua địa bàn khu phố Đệ Đức 1	500
22	Sửa chữa, cải tạo đầu công QL1, Cầu qua kênh, lan can hành lang dọc kênh N2 đoạn KDC Đệ Đức 3 và làm mới cột cờ trang trí dọc tuyến đường Quang Trung đoạn từ Trường Mầm Non đến Trạm y tế phường Hoài Tân	200

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

PHƯỜNG HOÀI NHƠN BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	51.894
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	21.075
-	Thuế giá trị gia tăng	15.326
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.801
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	130
-	Thuế tài nguyên	1.818
2	Lệ phí trước bạ	640
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	236
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.833
5	Tiền sử dụng đất	26.400
6	Phí và lệ phí	427
-	Lệ phí môn bài	282
-	Phí, lệ phí còn lại	145
7	Thu khác và phạt các loại	1.283
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường, hương	1.283
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	133.507
1	Chi đầu tư phát triển	37.111
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	26.400
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	10.711
2	Chi thường xuyên (1)	72.155
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	48.756
3	Dự phòng chi	899
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	23.342
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	13.461
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	266
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	8.932

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	683
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	102.608
1	Bổ sung cân đối	15.178
2	Bổ sung mục tiêu	23.342
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	64.088
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về phường (2)	10.711
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	48.669
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về phường	1.295
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.012</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>167</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>116</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	1.786
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	39
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	483
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	905

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

PHƯỜNG HOÀI NHƠN BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	10.711
1	Thảm nhựa mặt đường đoạn từ Ngã Ba Đình đến trường Mầm non xã Hoài Sơn	300
2	Tuyến đường bê tông từ ngõ Thanh đến Ngã Ba Đình	500
3	Xây dựng cầu ông Ân thuộc tuyến đường cầu ông Ân đến hồ An Đổ	750
4	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường từ cầu ông Ân đến hồ An Đổ	200
5	Điện chiếu sáng đoạn từ ngã ba Đình đến ngõ Long	120
6	Thảm nhựa tuyến đường (Ngõ Cẩn - Ngõ Muộn)	350
7	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Trận tập kích Trụ sở Ngụy quyền xã Hoài Sơn năm 1961	1.691
8	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Tây Nam UBND xã Hoài Sơn	200
9	Hoa viên ngõ Long, xã Hoài Sơn	200
10	Nâng cấp, cải tạo vỏ mộ nghĩa trang liệt sĩ phường Tam Quan	1.200
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1) (đoạn từ Ngã 3 Thiện Chánh đến Trạm biên phòng Tam Quan)	850
12	Điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quốc Toản (từ giáp đường Thống Nhất đến cầu Xuân Thành)	200
13	Thảm nhựa tuyến đường Hàm Tử	150
14	Trang trí đèn hoa Nguyễn Chí Thanh	200
15	Trang trí Cầu Thiện Chánh	200
16	Mở rộng, nâng cấp, thảm nhựa tuyến đường BTXM từ ngã ba UBND xã đến giáp đường QL1A-Gò Dài, thôn Dĩnh Thạnh	1.600
17	Via hè, bồn hoa từ ngã tư Chương Hòa – Quốc lộ 1A đến UBND xã Hoài Châu Bắc	200
18	Công viên trung tâm xã Hoài Châu Bắc	150
19	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường từ cầu Chui (QL1A) đến giáp xã Hoài Sơn	200

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
20	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường số 2 (đoạn qua xã Hoài Châu Bắc	250
21	Thảm bê tông nhựa tuyến đường ĐH 09B Phụng Du- Túy Sơn	750
22	Thảm bê tông nhựa tuyến đường số 2 đoạn qua xã Hoài Châu Bắc	200
23	Via hè bồn hoa từ ngã tư Quy Thuận đến Bàu Đưng	150
24	Điện chiếu sáng công cộng tuyến đường ngõ Tứ (ĐT 638) đến giáp Hoài Châu	100

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách thị xã Hoài Nhơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ PHÙ CÁT**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	85.570
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	37.278
-	Thuế giá trị gia tăng	31.327
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.763
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	182
-	Thuế tài nguyên	6
2	Lệ phí trước bạ	1.310
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	459
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.732
5	Tiền sử dụng đất	43.000
6	Phí và lệ phí	491
-	Lệ phí môn bài	237
-	Phí, lệ phí còn lại	254
7	Thu khác và phạt các loại	1.300
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	1.300
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	141.261
1	Chi đầu tư phát triển	35.992
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	8.400
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	27.592
2	Chi thường xuyên (1)	86.139
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60.639
3	Dự phòng chi	654
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	18.476
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	10.344
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	272
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	6.990

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	870
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	126.998
1	Bổ sung cân đối	12.514
2	Bổ sung mục tiêu	18.476
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	96.008
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	27.592
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	60.639
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về xã	4.268
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>3.381</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>429</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>458</i>
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã</i>	<i>300</i>
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	2.309
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	150
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	750

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ PHÙ CÁT NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	27.592
1	Thâm nhạ tuyến đường Bắc Nam (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến ngã 6) và đường Đông Tây (từ ngã 6 đến giáp đường Quốc lộ 1)	5.000
2	Trường Mẫu Giáo Cát Tân, hạng mục: Xây dựng bổ sung Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng (08 phòng học, 02 phòng chức năng)	1.000
3	Trường THCS Ngô Máy, hạng mục: Xây dựng bổ sung 06 phòng bộ môn	1.000
4	Cải tạo, chỉnh trang Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện và Nâng cấp, sửa chữa Quảng trường khu trung tâm huyện	500
5	Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Cát Trinh và xã Cát Tân, huyện Phù Cát	650
6	Cải tạo hồ Kênh Kênh	5.000
7	Chỉnh trang dòng Suối Thỏ kết hợp với đường giao thông	5.000
8	Khu dân cư phía Đông hồ Kênh Kênh, xã Cát Trinh	9.442

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Cát hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ XUÂN AN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	24.028
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	5.408
-	Thuế giá trị gia tăng	5.066
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	318
-	Thuế tài nguyên	24
2	Lệ phí trước bạ	524
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	28
4	Thuế thu nhập cá nhân	110
5	Tiền sử dụng đất	17.000
6	Phí và lệ phí	113
-	Lệ phí môn bài	35
-	Phí, lệ phí còn lại	78
7	Thu khác và phạt các loại	845
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	845
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	73.580
1	Chi đầu tư phát triển	12.700
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	5.500
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	7.200
2	Chi thường xuyên (1)	47.059
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	30.662
3	Dự phòng chi	478
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	13.343
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	5.985
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	314
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	6.614
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	430
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	64.332
1	Bổ sung cân đối	11.325
2	Bổ sung mục tiêu	13.343
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	39.664
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	5.500
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	30.662
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.465
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.963
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	242
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	260
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	187
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	150
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	500

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ XUÂN AN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Tổng cộng		5.500
1	Khu dân cư nông thôn xã Cát Tường (9,66ha)	4.500
2	Trường Tiểu học số 2 Cát Tường, hạng mục: Xây dựng thay thế Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng (06 phòng học, 04 phòng bộ môn) tại điểm trường Xuân An	1.000

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Cát hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ NGÔ MÂY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	21.587
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.190
-	Thuế giá trị gia tăng	2.889
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	280
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	18
-	Thuế tài nguyên	3
2	Lệ phí trước bạ	343
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	164
4	Thuế thu nhập cá nhân	66
5	Tiền sử dụng đất	16.500
6	Phí và lệ phí	124
-	Lệ phí môn bài	22
-	Phí, lệ phí còn lại	102
7	Thu khác và phạt các loại	1.200
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	1.200
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	77.825
1	Chi đầu tư phát triển	15.900
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	13.900
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	2.000
2	Chi thường xuyên (1)	46.321
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.937
3	Dự phòng chi	693
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	14.911
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	6.437
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	477
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.657
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	340
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	61.777
1	Bổ sung cân đối	14.000
2	Bổ sung mục tiêu	14.911
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	32.866
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về xã (2)	2.000
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	28.937
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về xã	816
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	651
	Quỹ tiền thưởng	83
	Kinh phí hoạt động	82
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	73
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	150
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	690

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

XÃ NGÔ MÂY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	2.000
1	Trường mẫu giáo Cát Thắng, hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng + Khu hiệu bộ + Bếp ăn tại điểm trường Phú Giáo	1.000
2	Tăng cường cơ sở vật chất các trường tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Phù Cát	1.000

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Cát hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ CÁT TIẾN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	173.065
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	10.172
-	Thuế giá trị gia tăng	9.221
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	926
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	9
-	Thuế tài nguyên	16
2	Lệ phí trước bạ	2.193
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	211
4	Thuế thu nhập cá nhân	182
5	Tiền sử dụng đất	158.000
6	Phí và lệ phí	177
-	Lệ phí môn bài	50
-	Phí, lệ phí còn lại	127
7	Thu khác và phạt các loại	2.130
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	2.130
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	169.957
1	Chi đầu tư phát triển	89.300
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	29.000
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	60.300
2	Chi thường xuyên (1)	64.678
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	39.533
3	Dự phòng chi	1.709
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	14.270
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	8.135
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	370
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	5.285
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	480
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	103.931

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
1	Bổ sung cân đối	15.902
2	Bổ sung mục tiêu	14.270
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	73.759
-	<i>Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)</i>	29.000
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý</i>	39.533
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã</i>	416
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	340
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	40
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	36
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	300
-	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã</i>	3.560
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	150
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	800

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ CÁT TIẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	29.000
1	Trạm y tế xã Cát Hải, huyện Phù Cát	1.000
2	Khu dân cư phía Tây Nam khu TĐC số 1 Cát Tiến	1.000
3	Tiểu khu đô thị 2.8 Phân khu 2 - Khu đô thị du lịch biển Nam vùng đầm Đề Gi, hạng mục: Xây dựng hạ tầng GD1 (11,29ha)	12.000
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, xã Cát Tiến	5.000
5	Khu dân cư Đông Nam ngã ba đường QL 19B - Đường ĐT 640 xã Cát Tiến (21 ha); Giai đoạn 1: 9,0ha	10.000

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Cát hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ ĐỀ GI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	119.976
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	12.572
-	Thuế giá trị gia tăng	11.484
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.010
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	46
-	Thuế tài nguyên	32
2	Lệ phí trước bạ	1.331
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	43
4	Thuế thu nhập cá nhân	296
5	Tiền sử dụng đất	102.000
6	Phí và lệ phí	234
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	0
-	Lệ phí môn bài	90
-	Phí, lệ phí còn lại	144
7	Thu khác và phạt các loại	3.500
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	3.500
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	174.076
1	Chi đầu tư phát triển	72.500
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	27.000
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	45.500
2	Chi thường xuyên (1)	78.970
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	55.025
3	Dự phòng chi	1.470
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	21.136
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	10.905
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	294

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	9.127
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	810
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	122.219
1	Bổ sung cân đối	16.133
2	Bổ sung mục tiêu	21.136
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	84.950
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã (2)	27.000
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	55.025
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.184
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>954</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>110</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>120</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	300
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	544
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	187
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	0
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	710

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ ĐỀ GI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	27.000
1	Trường Tiểu học số 2 Cát Minh, Hạng mục: Xây dựng bổ sung Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng (04 phòng bộ môn + 02 phòng học tại điểm trường Xuân An)	1.000
2	Tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phở 1, xã Cát Minh, huyện Phù Cát	5.000
3	Đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân thị trấn Cát Khánh, huyện Phù Cát	2.000
4	Trường Mẫu Giáo Cát Khánh, hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 8 phòng + Bếp ăn + 01 Phòng chức năng tại điểm trường An Quang Tây	2.000
5	Khu dân cư nông thôn xã Cát Khánh (9,36ha)	12.000
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ QL1A (Cát Hanh) - Cát Tài	5.000

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Cát hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ HÒA HỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	20.194
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.232
-	Thuế giá trị gia tăng	6.722
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.456
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	38
-	Thuế tài nguyên	16
2	Lệ phí trước bạ	715
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	32
4	Thuế thu nhập cá nhân	286
5	Tiền sử dụng đất	9.000
6	Phí và lệ phí	154
-	Lệ phí môn bài	58
-	Phí, lệ phí còn lại	96
7	Thu khác và phạt các loại	1.775
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	1.775
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	61.159
1	Chi đầu tư phát triển	7.481
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	5.400
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	2.081
2	Chi thường xuyên (1)	41.811
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.890
3	Dự phòng chi	430
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.437
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	5.213
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	194
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	5.660

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	370
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	52.265
1	Bổ sung cân đối	9.013
2	Bổ sung mục tiêu	11.437
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	31.815
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	2.081
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	25.890
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức huyện chuyển về xã	2.735
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.186
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	263
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	286
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	249
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	150
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	510

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ HÒA HỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	2.081
1	Trường Mẫu giáo Cát Hiệp, hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 06 phòng + 01 phòng thể chất đồn các điểm trường lẻ về điểm trường Hòa Đại	1.000
2	Đường giao thông liên xã từ xã Cát Lâm đi xã Cát Hanh	1.081

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Cát hướng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ HỘI SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	7.369
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.148
-	Thuế giá trị gia tăng	2.091
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	47
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	7
-	Thuế tài nguyên	3
2	Lệ phí trước bạ	184
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	13
4	Thuế thu nhập cá nhân	22
5	Tiền sử dụng đất	4.500
6	Phí và lệ phí	52
-	Lệ phí môn bài	12
-	Phí, lệ phí còn lại	40
7	Thu khác và phạt các loại	450
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	450
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	43.173
1	Chi đầu tư phát triển	2.700
	Bao gồm:	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	2.700
2	Chi thường xuyên (1)	34.708
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.698
3	Dự phòng chi	318
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	5.447
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	2.397
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	6

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	194
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	2.690
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	160
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	39.560
1	Bổ sung cân đối	10.986
2	Bổ sung mục tiêu	5.447
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	23.127
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý</i>	20.698
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã</i>	1.580
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.262
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	150
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	168
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã</i>	200
-	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã</i>	9
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	150
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	490

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ PHÙ MỸ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	56.832
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	24.237
-	Thuế giá trị gia tăng	23.660
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	577
2	Lệ phí trước bạ	525
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	23
4	Tiền sử dụng đất	31.000
5	Phí và lệ phí	335
-	Lệ phí môn bài	172
-	Phí, lệ phí còn lại	163
6	Thu khác và phạt các loại	712
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	712
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	120.798
1	Chi đầu tư phát triển	37.890
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	6.890
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	31.000
2	Chi thường xuyên (1)	64.211
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	34.633
3	Dự phòng chi	1.079
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	17.618
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	10.614
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	188
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	6.150
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	666
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	86.973
1	Bổ sung cân đối	12.962
2	Bổ sung mục tiêu	17.618
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	56.393
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	6.890
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	34.633
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.444
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.763
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	332
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	349
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	300
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	9.895
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	37
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	441
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	753

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ PHÙ MỸ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Tổng cộng		6.890
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	453
2	Chỉnh trang, cải tạo không gian trước cổng Trường THPT số 1 Phù Mỹ	1.000
3	Điểm nhấn cửa ngõ phía Nam thị trấn Phù Mỹ	1.000
4	Cải tạo các nút giao hiện trạng, khắc phục điểm đen, tiềm ẩn tai nạn giao thông	500
5	Chỉnh trang vỉa hè, chiếu sáng đường Quang Trung (đoạn từ Cửa hàng xăng dầu số 21 đến khu dân cư Tường An)	1.400
6	Chỉnh trang, nâng cấp Công viên tuổi thơ huyện Phù Mỹ	1.000
7	Đầu tư Mở mạng lưới đường ống cấp nước các nhà máy nước Phù mỹ, Mỹ Phong, Mỹ Chánh và Mỹ Lợi	1.200
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ.	337

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Mỹ hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ AN LƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	17.088
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.568
-	Thuế giá trị gia tăng	2.150
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	418
2	Lệ phí trước bạ	200
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	12
4	Tiền sử dụng đất	12.000
5	Phí và lệ phí	229
-	Lệ phí môn bài	93
-	Phí, lệ phí còn lại	136
6	Thu khác và phạt các loại	2.080
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	2.080
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	100.284
1	Chi đầu tư phát triển	13.413
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	1.413
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	12.000
2	Chi thường xuyên (1)	65.773
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.824
3	Dự phòng chi	778
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	20.320
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	12.367
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	263
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.500
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	190
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	85.506
1	Bổ sung cân đối	15.936
2	Bổ sung mục tiêu	20.320

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	49.250
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	1.413
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	44.824
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.768
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.398
	Quỹ tiền thưởng	170
	Kinh phí hoạt động	200
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	35
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	292
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	718

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ AN LƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	1.413
1	Trụ sở làm việc Công an xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	345
2	Nâng cấp và hoàn thiện tuyến đường tránh xã Mỹ Chánh	468
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Mỹ Thành	600

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Mỹ hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ BÌNH DƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	34.312
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	6.865
-	Thuế giá trị gia tăng	6.460
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	405
2	Lệ phí trước bạ	315
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	26
4	Tiền sử dụng đất	26.000
5	Phí và lệ phí	251
-	Lệ phí môn bài	144
-	Phí, lệ phí còn lại	107
6	Thu khác và phạt các loại	855
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	855
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	97.781
1	Chi đầu tư phát triển	27.606
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	1.606
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	26.000
2	Chi thường xuyên (1)	52.673
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	34.620
3	Dự phòng chi	991
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	16.511
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	11.096

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	215
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	5.010
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	190
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	69.966
1	Bổ sung cân đối	14.254
2	Bổ sung mục tiêu	16.511
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	39.201
-	<i>Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)</i>	1.606
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý</i>	34.620
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã</i>	1.527
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.226
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	141
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	160
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã</i>	200
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	22
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	506
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	720

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ BÌNH DƯƠNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	1.606
1	Trụ sở làm việc Công an xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	130
2	Trụ sở làm việc Công an xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	426
3	Di tích lịch sử chiến thắng Đèo Nhông, hạng mục: Xây dựng mới Đền thờ các Anh Hùng liệt sỹ)	700
4	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ	350

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Mỹ hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ PHÙ MỸ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	14.205
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.475
-	Thuế giá trị gia tăng	2.150
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	325
2	Lệ phí trước bạ	150
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	10
4	Tiền sử dụng đất	11.000
5	Phí và lệ phí	182
-	Lệ phí môn bài	62
-	Phí, lệ phí còn lại	120
6	Thu khác và phạt các loại	388
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	388
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	100.114
1	Chi đầu tư phát triển	11.422
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	422
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	11.000
2	Chi thường xuyên (1)	70.099
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	47.698
3	Dự phòng chi	806
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	17.787
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	10.214
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	283
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.100
-	Bổ sung kinh phí cho trạm y tế cấp xã	
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	190
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	88.136
1	Bổ sung cân đối	19.779
2	Bổ sung mục tiêu	17.787
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	50.570
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	422
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	47.698
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.177
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	896
	Quỹ tiền thưởng	111
	Kinh phí hoạt động	170
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	300
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	35
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	262
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	676

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025

XÃ PHÙ MỸ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	422
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	422

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Mỹ hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ PHÙ MỸ TÂY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	10.303
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.368
-	Thuế giá trị gia tăng	880
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	488
2	Lệ phí trước bạ	120
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	7
4	Tiền sử dụng đất	7.000
5	Phí và lệ phí	113
-	Lệ phí môn bài	25
-	Phí, lệ phí còn lại	88
6	Thu khác và phạt các loại	1.695
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	1.695
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	50.352
1	Chi đầu tư phát triển	7.929
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	7.000
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu	929
2	Chi thường xuyên (1)	31.812
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.495
3	Dự phòng chi	469
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	10.142
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	5.845
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	103
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.004
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	190
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	41.279
1	Bổ sung cân đối	9.384
2	Bổ sung mục tiêu	10.142
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	21.753
-	<i>Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về xã (2)</i>	929
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý</i>	17.495
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về xã</i>	2.003
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.593
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	199
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	211
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	200
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	11
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	580
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	535

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

XÃ PHÙ MỸ TÂY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	929
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Mỹ Hòa	600
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ	329

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Mỹ hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ PHÙ MỸ NAM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	22.861
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.074
-	Thuế giá trị gia tăng	2.940
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.134
2	Lệ phí trước bạ	140
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	13
4	Tiền sử dụng đất	17.000
5	Phí và lệ phí	129
-	Lệ phí môn bài	38
-	Phí, lệ phí còn lại	91
6	Thu khác và phạt các loại	1.505
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	1.505
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	78.294
1	Chi đầu tư phát triển	17.000
	Bao gồm:	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	17.000
2	Chi thường xuyên (1)	42.900
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.594
3	Dự phòng chi	756
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	17.638
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	8.088
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	251
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	9.109

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	190
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	59.100
1	Bổ sung cân đối	12.158
2	Bổ sung mục tiêu	17.638
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	29.304
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	25.594
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.446
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.950</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>240</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>256</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	32
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	497
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	535

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ PHÙ MỸ BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	18.610
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.213
-	Thuế giá trị gia tăng	1.060
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	153
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
-	Thuế tài nguyên	
2	Lệ phí trước bạ	200
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	10
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Tiền sử dụng đất	16.000
6	Phí và lệ phí	122
-	Lệ phí môn bài	27
-	Phí, lệ phí còn lại	95
7	Thu khác và phạt các loại	1.065
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	1.065
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	91.917
1	Chi đầu tư phát triển	16.240
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	16.000
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	240
2	Chi thường xuyên (1)	57.456
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	37.282
3	Dự phòng chi	838
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	17.383
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	9.643
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	243

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	7.300
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	197
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	74.399
1	Bổ sung cân đối	16.304
2	Bổ sung mục tiêu	17.383
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	40.712
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	240
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	37.282
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức huyện chuyển về xã	1.493
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.182</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>151</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>160</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	31
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	756
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	710

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

XÃ PHÙ MỸ BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	240
1	Trụ sở làm việc Công an xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ	240

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Phù Mỹ hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ TUY PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	70.895
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	63.950
-	Thuế giá trị gia tăng	53.079
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.871
2	Lệ phí trước bạ	2.320
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	996
4	Phí và lệ phí	673
-	Lệ phí môn bài	493
-	Phí, lệ phí còn lại	180
5	Thu khác và phạt các loại	2.956
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	2.260
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	261.374
1	Chi đầu tư phát triển	110.187
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	110.187
2	Chi thường xuyên (1)	133.577
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	85.534
3	Dự phòng chi	791
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	16.819
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	616
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	13.303
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.900
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	250.549
1	Bổ sung cân đối	29.095
2	Bổ sung mục tiêu	16.819

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	204.635
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	110.187
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	85.534
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.084
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	3.253
	Quỹ tiền thưởng	393
	Kinh phí hoạt động	438
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	300
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	3.460
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	95
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	425
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	550

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ TUY PHƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước (nguồn đầu tư tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	110.187	5.849	104.338
1	Trường mầm non Phước Thuận (cụm Lộc Hạ)	949	949	-
2	Trường THCS thị trấn Tuy Phước; (02T. 06P)	979	979	-
3	Trường Tiểu học số 2 thị trấn Tuy Phước (điểm chính: Công chánh) Hạng mục: Nhà lớp học 04P + 02 phòng chức năng -	994	994	-
4	Trường TH số 2 TT Tuy Phước cụm Mỹ Điền (2T,6P)	945	945	-
5	Trường mầm non Phước Thuận; Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng - điểm Lộc An	991	991	-
6	Trường mầm non Phước Quang cụm Văn Quang (4P)	991	991	-
7	Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Lữ	5.000	-	5.000
8	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Thuận	379	-	379
9	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Nghĩa	138	-	138
10	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Lộc	267	-	267
11	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện	53.950	-	53.950
12	Gia cố đê sông Đục (đoạn từ cầu Ván đến sông Hà Thanh)	2.000	-	2.000
13	Trạm bơm Huỳnh Mai	1.200	-	1.200
14	CSHT Khu dân cư Bờ Hiên (mở rộng)	1.000	-	1.000
15	Chỉnh trang vỉa hè QL19 đoạn qua TT Tuy Phước	2.678	-	2.678
16	Hoa viên nút giao thông giữa QL19 và ĐT.640	500	-	500
17	Xây dựng Chợ Bò Đề	1.000	-	1.000
18	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế xã Phước Lộc	202	-	202
19	Chỉnh trang, nâng cấp khu trung tâm xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	5.000	-	5.000
20	Lắp đặt mở rộng hệ thống đường ống cấp nước sạch tại một số khu vực dân cư trên địa bàn thị trấn Diêu Trì	718	-	718
21	Sửa chữa trường lớp học	500	-	500
22	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số các thôn, khu phố	250	-	250
23	Các quy hoạch khác...	3.172	-	3.172
24	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc, thống kê, kiểm kê, cấp giấy Chứng nhận QSD đất, hồ sơ địa chính và các hoạt động đo đạc khác	4.326	-	4.326
25	Hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, thị trấn có tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn để trả nợ các công trình còn nợ sau quyết toán và nợ khối lượng hoàn thành	15.000	-	15.000

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước (nguồn đầu tư tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất
26	Hỗ trợ BTXM Giao thông nông thôn (toàn huyện)	360	-	360
27	Hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương (toàn huyện 20Km)	360	-	360
28	Hỗ trợ các xã, thị trấn trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính	2.500	-	2.500
29	Hỗ trợ BCH Quân sự huyện xây dựng hệ thống khu vực phòng thủ	500	-	500
30	Xây dựng hoa viên khu Ga Diêu Trì, thị trấn Diêu Trì	100	-	100
31	Đầu tư, nâng cấp mặt sân và một số hạng mục sân vận động thị trấn Diêu Trì	100	-	100
32	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Trần Bá, thị trấn Diêu Trì	100	-	100
33	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường GTNT “Từ Quốc lộ 1A (Cổng văn hoá thôn) đến trước Nhà văn hóa thôn Phú Mỹ 2,”	500	-	500
34	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường GTNT, từ Quốc lộ 19 (Cổng văn hoá) thôn Phú Mỹ 1 đi Quốc lộ 1A;	300	-	300
35	Công trình: Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng tuyến đường GTNT, từ Quốc lộ 19 (HTXNN) thôn Vĩnh Hy đến chợ Huyện;	500	-	500
36	Nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa tuyến đường khu dân cư Gò Đu khu phố Công Chánh	300	-	300
37	Lát via đường Trần Quang Diệu, thị trấn Tuy Phước	36	-	36
38	Xây dựng công viên khu tái định cư khu phố Công Chánh, thị trấn Tuy Phước	102	-	102
39	Nâng cấp, mở rộng bê tông giao thông tuyến Đường Hưng Nghĩa – Phước Hiệp (Điểm đầu: Trần bờ bạn cây Xoài – Điểm cuối: Km3+256/ĐH.42 Thánh Thất Giang Nam, Phước Hiệp).	200	-	200
40	Đường Thọ Nghĩa- Luật Chánh (Tuyến nhà sinh hoạt cộng đồng xóm kinh tế- Giáp thôn Luật Chánh, Phước Hiệp)	200	-	200
41	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 42 đến giáp xóm Gò, thôn Hưng Nghĩa	400	-	400
42	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ xã Phước Nghĩa - Thị trấn Tuy Phước	500	-	500

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tuy Phước hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
TUY PHƯỚC ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	28.033
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	19.750
-	Thuế giá trị gia tăng	16.393
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.357
2	Lệ phí trước bạ	1.005
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	165
4	Phí và lệ phí	301
-	Lệ phí môn bài	151
-	Phí, lệ phí còn lại	150
5	Thu khác và phạt các loại	6.812
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	6.370
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	158.299
1	Chi đầu tư phát triển	52.170
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	52.170
2	Chi thường xuyên (1)	93.965
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60.520
3	Dự phòng chi	572
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.592
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	411
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	8.869
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.312
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	148.040
1	Bổ sung cân đối	18.597
2	Bổ sung mục tiêu	11.592

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	117.851
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	52.170
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	60.520
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.684
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.899
	Quỹ tiền thưởng	406
	Kinh phí hoạt động	379
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	192
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	90
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	545
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	450

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ PHƯỚC NĂM 2025**

XÃ TUY PHƯỚC ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	52.170
1	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Hòa	263
2	XD CSHT khu dân cư Phước Thắng (thôn Khuôn Bình điểm 1 + 2)	5.200
3	XD CSHT Khu dân cư trước nhà Lê Nhật Quang	4.990
4	Tuyến đường ĐT.631, đoạn từ Nhơn Hạnh đến giáp đường Cát Tiến - Diêm Vân	500
5	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế xã Phước Thắng	219
6	Sửa chữa trường lớp học	500
7	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số các thôn, khu phố	250
8	Các quy hoạch khác...	3.172
9	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc, thống kê, kiểm kê, cấp giấy Chứng nhận QSD đất, hồ sơ địa chính và các hoạt động đo đạc khác	4.326
10	Hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, thị trấn có tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn để trả nợ các công trình còn nợ sau quyết toán và nợ khối lượng hoàn thành	19.000
11	Hỗ trợ BTXM Giao thông nông thôn (toàn huyện)	240
12	Hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương (toàn huyện 20Km)	240
13	Hỗ trợ các xã, thị trấn trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính	1.500
14	Cải tạo các đường cong, nền mặt đường đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km8+300, tuyến đường ĐT640 huyện Tuy Phước	2.800
15	Xây dựng sân vận động tại khu đất sinh hoạt văn hoá thể thao xã Phước Hoà	300
16	Xây dựng Nhà văn hoá, tường rào cổng ngõ và công viên cây xanh thôn Tùng Giản, xã Phước Hoà	300
17	Xây dựng công viên cây xanh nằm phía Nam vị trí số 01 khu dân cư trước nhà ông Võ Bảy thuộc thôn Kim Tây, xã Phước Hòa	200
18	Nâng cấp sân nền, tường rào cổng ngõ trường tiểu học số 1 Phước hòa	200

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
19	Xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống xử lý nước thải và san nền vị trí số 4: Điểm dân cư phía trước nhà ông Trần Minh An thuộc thôn Kim Xuyên, xã Phước Hòa	7.000
20	Mở rộng, chỉnh trang vỉa hè đoạn từ trước UBND xã đến HTX	400
21	Vỉa hè đường tỉnh lộ 640 (trường THCS số 1- xóm 5)	200
22	Xây dựng cầu Dài thôn Dương Thành	120
23	Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông Lương Bình-Khuông Bình	50
24	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ	200

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tuy Phước hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ TUY PHƯỚC TÂY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	18.037
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	16.950
-	Thuế giá trị gia tăng	14.069
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.881
2	Lệ phí trước bạ	320
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	265
4	Phí và lệ phí	152
-	Lệ phí môn bài	67
-	Phí, lệ phí còn lại	85
5	Thu khác và phạt các loại	350
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	270
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	116.011
1	Chi đầu tư phát triển	44.987
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	44.987
2	Chi thường xuyên (1)	59.129
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.412
3	Dự phòng chi	355
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.540
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	411
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	8.869
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.260
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	113.229
1	Bổ sung cân đối	15.116
2	Bổ sung mục tiêu	11.540
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	86.573
-	<i>Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về xã (2)</i>	44.987
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý</i>	36.412
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về xã</i>	3.190
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.561
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	309
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	320
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	300
-	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã</i>	173
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	103
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	988
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	420

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**XÃ TUY PHƯỚC TÂY**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước (vốn đầu tư tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	44.987	1.961	43.026
1	Trường TH số 1 Phước Thành (NHB)	1.016	1.016	
2	Trường TH số 2 Phước An (2T,8P)	945	945	
3	Đường đầu nối từ CCN Phước An đến đường vào KDC K6	3.100	-	3.100
4	Đường giao thông liên xã Phước Nghĩa - Phước Hiệp	4.000	-	4.000
5	Trụ sở làm việc Công an xã Phước An	123	-	123
6	XD CSHT Khu dân cư xóm 3 – Bình An 1	3.200	-	3.200
7	XD CSHT Khu dân cư xóm 1– Bình An 2	4.200	-	4.200
8	XD tuyến đường từ ĐH 42 đến giáp đường An Nhơn - Tây đàm	3.000	-	3.000
9	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành	2.000	-	2.000
10	Thảm nhựa, hệ thống chiếu sáng, cây xanh đường vào cầu Hóc Công tuyến từ Quốc lộ 19C - xóm 4 Cảnh An 2 Phước Thành	898	-	898
11	Sửa chữa trường lớp học	500	-	500
12	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số các thôn, khu phố	250	-	250
13	Các quy hoạch khác...	3.172	-	3.172
14	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất , đo đạc, thống kê, kiểm kê, cấp giấy Chứng nhận QSD đất, hồ sơ địa chính và các hoạt động đo đạc khác	4.326	-	4.326
15	Hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, thị trấn có tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn để trả nợ các công trình còn nợ sau quyết toán và nợ khối lượng hoàn thành	10.000	-	10.000
16	Hỗ trợ BTXM Giao thông nông thôn (toàn huyện)	160	-	160
17	Hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương (toàn huyện 20Km)	160	-	160
18	Hỗ trợ các xã, thị trấn trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính	1.000	-	1.000

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước (vốn đầu tư tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất
19	Sân vận động xã Phước Thành	937	-	937
20	Nhà thi đấu đa năng Trường TH số 2 Phước Thành	300	-	300
21	Xây dựng mới cầu ông Dậy thuộc tuyến giao thông ngã tư cây xoài- giáp quốc lộ 19 mới bên phải tuyến và mở rộng đường dẫn 2 bên đầu cầu	500	-	500
22	Cứng mái taluy phía Tây và gia cố sửa chữa mặt đường nhựa thuộc tuyến giao thông ngã tư cây xoài đến giáp quốc lộ 19 mới.	500	-	500
23	Nhà đa năng trường tiểu học số 1 Phước An	300	-	300
24	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ	400	-	400

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tuy Phước hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ TUY PHƯỚC BẮC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	15.039
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	11.950
-	Thuế giá trị gia tăng	9.919
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.031
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
-	Thuế tài nguyên	
2	Lệ phí trước bạ	355
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	74
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Tiền sử dụng đất	
6	Phí và lệ phí	278
-	Lệ phí môn bài	108
-	Phí, lệ phí còn lại	170
7	Thu khác và phạt các loại	2.382
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	2.100
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	138.466
1	Chi đầu tư phát triển	42.501
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	42.501
2	Chi thường xuyên (1)	83.852
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	53.904
3	Dự phòng chi	533
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.580
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	411
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	8.869

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.300
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	134.181
1	Bổ sung cân đối	22.613
2	Bổ sung mục tiêu	11.580
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	99.988
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	42.501
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	53.904
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức huyện chuyển về xã	2.360
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.821</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>302</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>237</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	132
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	96
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	315
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	480

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ TUY PHƯỚC BẮC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	42.501
1	Trường Mầm non Phước Quang (02T.04P)	1.200
2	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế xã Phước Hiệp	250
3	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế xã Phước Quang	226
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636	849
5	Sửa chữa trường lớp học	500
6	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số các thôn, khu phố	250
7	Xây dựng cụm linh vật Xuân Ất Ty 2025	300
8	Các quy hoạch khác...	3.172
9	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc, thống kê, kiểm kê, cấp giấy Chứng nhận QSD đất, hồ sơ địa chính và các hoạt động đo đạc khác	4.326
10	Hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, thị trấn có tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn để trả nợ các công trình còn nợ sau quyết toán và nợ khối lượng hoàn thành	15.248
11	Hỗ trợ BTXM Giao thông nông thôn (toàn huyện)	240
12	Hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương (toàn huyện 20Km)	240
13	Hỗ trợ các xã, thị trấn trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính	1.500
14	Hệ thống đèn Led trang trí đoạn từ Cổng chào thôn Quảng Nghiệp đến UBND xã.	105
15	Mở rộng Trường mầm non An Cửu (giai đoạn 2); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, nâng nền, hệ thống thoát nước và Tường rào	280
16	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến từ Sân kho cũ xóm 19 đến nhà ông Trương Văn Quang	40
17	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Biểu Chánh đoạn từ cổng chào Biểu Chánh đến nhà bà Nguyễn Thị Bờ.	104
18	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến: Từ đường liên xã (cây xăng Trường Út) đến xóm 4 Quảng Nghiệp	300

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
19	Sân thể thao khu Đông xã Phước Hưng; Hạng mục Nâng nền, tường rào cổng ngõ	200
20	Sửa chữa nhà văn hóa thôn An Cửu	200
21	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến từ đường liên xã đến đường liên xã đến nhà ông Nguyễn Thành Nhân + Chùa Thiên Lộc.	124
22	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ	400
23	Cải tạo nhà văn hóa xã: Hạng mục: GPMB, sửa chữa nhà văn hóa, sân nền, tường rào	400
24	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Háo Lễ; Tuyến từ nhà Võ Long Cư đến Cầu 16.	400
25	Nâng cấp, mở rộng thảm nhựa đoạn đường “từ cuối tràn trên trường THCS, quanh công viên trước UBND xã, lát vỉa hè tuyến đường từ trường THCS xã Phước Hiệp đến nhà Nguyễn Thành Trúc”	222
26	Sân vận động Phước Hiệp	8.655
27	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ĐH42 đến giáp đường cầu đội 10 thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp	473
28	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Giang Bắc	100
29	Xây dựng mới chợ Lục Lễ, xã Phước Hiệp Hạng mục: Xây dựng ki-ốt chợ	572
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ trung tâm xã đến Tri Thiện (giáp Tây Đàm)	727
31	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT636 đến Tân Điền	298
32	Nâng cấp mở rộng ĐT 636 - Tân Mỹ, Phước Hòa	300
33	Nâng cấp mở rộng ĐT636- Tổ 3 đội 10 thôn Định Thiện Đông	300

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tuy Phước hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ TÂY SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	203.435
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	52.664
-	Thuế giá trị gia tăng	35.442
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.316
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	243
-	Thuế tài nguyên	10.663
2	Lệ phí trước bạ	8.924
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	532
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.208
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	3.928
6	Tiền sử dụng đất	124.500
7	Phí và lệ phí	6.338
-	Phí BVMT khai thác khoáng sản	4.395
-	Lệ phí môn bài	969
-	Phí, lệ phí còn lại	974
8	Thu khác và phạt các loại	2.340
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	2.340
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	167.810
1	Chi đầu tư phát triển	60.664
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	14.000
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	46.664
2	Chi thường xuyên (1)	87.271
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	56.893
3	Dự phòng chi	1.306
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	18.569
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	10.300

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	249
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.635
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	3.385
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	146.495
1	Bổ sung cân đối	11.830
2	Bổ sung mục tiêu	18.569
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	116.096
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	46.664
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	56.893
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	6.550
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	4.836
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	1.174
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	540
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	4.472
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	154
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	333
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	830

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ TÂY SƠN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	46.664
1	Xây dựng điểm nút giao thông ngã tư Quang Trung - Hùng Vương; Nguyễn Huệ - Hàm Hô	1.365
2	Thảm bê tông nhựa đường vào Đền thờ Bùi Thị Xuân (đoạn từ QL 19 đến đường Phan Đình Phùng)	968
3	Trường TH số 1 Bình Nghi; HM: Xây dựng 06 phòng học và 04 phòng chức năng	3.404
4	Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án: Chinh trang đô thị Phú Phong. HM: Quảng trường trung tâm	266
5	Thảm BTN mặt đường Lê Lợi	1.495
6	Nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa đường Nguyễn Thiếp	1.594
7	Trường MN Phú Phong; HM: Xây dựng 06 phòng học, 03 phòng bộ môn, Khu hiệu bộ và tường rào, cổng ngõ	1.188
8	Trường Mầm non Phú Phong; hạng mục: Sân nền, lát gạch Blook, sân bê tông, vườn hoa	995
9	HT cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	977
10	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị phía Nam QL 19	4.000
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu Soi Khánh, Soi Cát	374
12	Chinh trang vỉa hè đường Nguyễn Huệ	100
13	Khu dân cư ngã 3 QL19 đường Nguyễn Huệ	223
14	Nâng cấp mở rộng hệ thống giao thông và thoát nước Cụm Công nghiệp Phú An	293
15	Tuyến đường từ QL19B đến đường ĐH26 (cũ)	200
16	Gia cố kè phía thượng lưu đập dâng Phú Phong	100
17	Trường THCS võ Xán. HM: Xây dựng 16 phòng học, nhà tập thể thao và nhà bộ môn	766
18	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu. HM: Xây dựng 06 phòng học và Khu hiệu bộ	95
19	Trường MN Bình Nghi; hạng mục: Xây dựng 04 phòng học	396

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
20	Trường Tiểu học Tây Xuân; hạng mục: 02 phòng học, 04 phòng chức năng	195
21	Trường mầm non Tây Xuân; hạng mục: 04 phòng học , 03 phòng bộ môn, chức năng	193
22	Trường THCS Võ Xán; hạng mục: Tường rào, cổng ngõ; sân nền; nhà vệ sinh học sinh	245
23	Trụ sở Trung tâm Chính trị huyện Tây Sơn	60
24	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	300
25	Mở rộng nhà làm việc các phòng, ban huyện	100
26	Sửa chữa Nhà làm việc Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể Thao huyện	100
27	Sửa chữa Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện	100
28	Sửa chữa Nhà làm việc Huyện đoàn	100
29	Nhà để xe Trung tâm chính trị huyện	100
30	Xây dựng mới trạm y tế xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	60
31	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Phía Bắc đường Hùng Vương	137
32	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phía Tây đường Đô Đốc Long	7.000
33	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phía Đông đường vào Hàm Hô	920
34	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Phú An, xã Tây Xuân	500
35	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phía Bắc QL 19 thôn 2, xã Bình Nghi	100
36	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phía Bắc đường Đô Đốc Bảo, thị trấn Phú Phong	500
37	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Khối Phú Xuân	400
38	Chỉnh trang khuôn viên khách sạn Phú Phong cũ	400
39	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong	2.974
40	Chỉnh trang khuôn viên Huyện ủy	200
41	Chỉnh trang vỉa hè đường Trần Hưng Đạo, Đô Đốc Long (đoạn từ Công viên nước Minh Thành đến cầu Đồng Xiêm)	510
42	Hệ thống điện trang trí cầu đập dâng Phú Phong và tuyến đường kết nối đập dâng đi QL 19B	600
43	Chỉnh trang vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Cầu Kiên Mỹ đến Bảo tàng Quang Trung)	700
44	Sửa chữa cổng chào giáp ranh thị xã An Nhơn	250
45	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị thương mại dịch vụ Tây Xuân	50
46	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị khối Hòa Lạc	50

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
47	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu làng rau VietGap Thuận Nghĩa	50
48	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Tây Sơn	50
49	Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	100
50	Sửa chữa Trụ sở làm việc Khối Mặt trận, đoàn thể huyện	200
51	Trường Mầm non Bình Nghi; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn Thủ Thiện Hạ)	150
52	Trường THCS Bình Nghi; hạng mục: Khu hiệu bộ	100
53	Lập quy hoạch sử dụng đất năm 2021 - 2030	3.077
54	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tây Sơn	696
55	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tây Sơn	586
56	Thống kê đất đai năm 2023 huyện Tây Sơn	277
57	Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện, đường xã năm 2023	250
58	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Tây Sơn	190
59	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn tỉnh Bình Định đến năm 2035	220
60	Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Bình Nghi, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	100
61	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Phú An	500
62	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Hòa Lạc	270
63	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Phú Hòa	600
64	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bắc sông Kôn, Phú Phong	500
65	Chương trình phát triển đô thị Tây Sơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035	125
66	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035	30
67	Nhà máy nước Bình Nghi HM: Đầu tư hệ thống ống tuyến nhánh để cung cấp nước đến các hộ dân	1.000
68	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Tây Sơn	500
69	Lập hồ sơ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính do chuyển diện tích đất khác và đất trồng lúa một vụ sang đất trồng lúa và đất trồng lúa 2 vụ trong kỳ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030	250
70	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Tây Sơn	1.000

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
71	Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện, đường xã năm 2025	200

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tây Sơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ BÌNH KHÊ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	43.083
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	7.849
-	Thuế giá trị gia tăng	3.786
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.101
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	13
-	Thuế tài nguyên	2.949
2	Lệ phí trước bạ	2.991
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	24
4	Thuế thu nhập cá nhân	543
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	302
6	Tiền sử dụng đất	29.000
7	Phí và lệ phí	715
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	531
-	Lệ phí môn bài	95
-	Phí, lệ phí còn lại	89
8	Thu khác và phạt các loại	1.660
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	1.660
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	70.439
1	Chi đầu tư phát triển	10.981
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	5.981
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	5.000
2	Chi thường xuyên (1)	44.954
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.883
3	Dự phòng chi	570
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	13.934
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	6.667
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	249
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.635
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.383
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	62.762
1	Bổ sung cân đối	9.868
2	Bổ sung mục tiêu	13.934

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	38.960
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	5.981
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	26.883
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.444
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	3.298
	Quỹ tiền thưởng	777
	Kinh phí hoạt động	369
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	400
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	94
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	368
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	590

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ BÌNH KHÊ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	5.981
1	Trường TH số 1 Tây Giang. HM: Xây dựng 04 phòng chức năng	1.027
2	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	1.269
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Nam sông Kôn, thôn thượng Giang 2	200
4	Cầu Hữu Giang (kết nối QL19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	500
5	Nâng cấp, mở rộng đường nội thị xã Tây Giang (đoạn từ QL 19 đến khu tưởng niệm Nguyễn Sinh Sắc)	1.000
6	Trường TH số 1 Tây Giang; hạng mục: 06 phòng học (điểm lẻ)	96
7	Trường MN Tây Giang; hạng mục: Xây dựng 02 phòng 2 tầng (Giáo dục thể chất + Tin/ngoại ngữ); khu hiệu bộ	387
8	Trường Tiểu học Tây Thuận; hạng mục: 04 phòng chức năng	396
9	Trường TH số 02 Tây Giang; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng	396
10	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	60
11	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Tây Giang	50
12	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Tây Giang huyện Tây Sơn	100
13	Xây dựng mới Trạm y tế xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	100
14	Nhà quản lý trường bắn Ban chỉ huy quân sự huyện tại xã Tây Giang	100
15	Lập đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch 1/2000 trung tâm xã Tây Giang, huyện Tây Sơn đến năm 2025 đạt chuẩn đô thị loại V	300

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tây Sơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ BÌNH PHÚ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	30.793
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.686
-	Thuế giá trị gia tăng	2.032
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	441
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	25
-	Thuế tài nguyên	1.188
2	Lệ phí trước bạ	1.682
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	22
4	Thuế thu nhập cá nhân	269
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	320
6	Tiền sử dụng đất	23.500
7	Phí và lệ phí	357
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	234
-	Lệ phí môn bài	66
-	Phí, lệ phí còn lại	57
8	Thu khác và phạt các loại	957
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	957
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	105.476
1	Chi đầu tư phát triển	34.893
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	12.893
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	22.000
2	Chi thường xuyên (1)	52.963
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	33.765
3	Dự phòng chi	1.006
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	16.614
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	9.347

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	249
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.635
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.383
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	81.784
1	Bổ sung cân đối	12.732
2	Bổ sung mục tiêu	16.614
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	52.438
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	12.893
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	33.765
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.104
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.860
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	941
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	303
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	400
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	162
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	194
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	720

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ BÌNH PHÚ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	12.893
1	Trường THCS Mai Xuân Thưởng HM: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	2.653
2	Tuyến đường giao thông kết nối khu du lịch Hàm Hô đến khu du lịch Thác đổ, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	1.070
3	Trường MN Bình Tường; Hạng mục: Xây dựng 10 phòng học	1.341
4	Trường MN Vĩnh An; Hạng mục: Xây dựng 03 phòng học; Khu hiệu bộ; Bếp ăn 1 chiều	996
5	Trường TH Bình Tường. HM: Xây dựng 04 phòng chức năng (điểm chính); Xây dựng 06 phòng học (điểm Hòa Sơn)	1.243
6	Trụ sở làm việc HĐND & UBND xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	1.094
7	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Tường, huyện Tây sơn	1.195
8	Nâng cấp đường Nam Giang đi xã Vĩnh An	200
9	Trường THCS Mai Xuân Thưởng. HM: 04 phòng bộ môn, chức năng.	395
10	Trường MN Bình Tường; hạng mục: Phòng giáo dục thể chất + Tin/ngoại ngữ + Giáo dục nghệ thuật và Khu hiệu bộ	393
11	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	60
12	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Tường, huyện Tây Sơn	300
13	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh, xã Tây Phú	200
14	Khu liên hợp thể dục, thể thao đô thị Tây Sơn	100
15	Xây dựng mới Trạm y tế xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	100
16	Trường Mầm non Bình Tường; hạng mục: Bếp ăn một chiều, tường rào, cổng ngõ, sân nền	150
17	Xây dựng khu Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh An	113
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu liên hợp thể dục, thể thao đô thị Tây Sơn	190

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
19	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bình Tường	500
20	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Thác Đổ, xã Vĩnh An	100
21	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới làng Xà Tang	500

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tây Sơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ BÌNH HIỆP**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	23.389
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.950
-	Thuế giá trị gia tăng	1.369
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	201
-	Thuế tài nguyên	379
2	Lệ phí trước bạ	1.436
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	14
4	Thuế thu nhập cá nhân	692
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	205
6	Tiền sử dụng đất	17.000
7	Phí và lệ phí	262
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	92
-	Lệ phí môn bài	80
-	Phí, lệ phí còn lại	90
7	Thu khác và phạt các loại	1.830
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	1.830
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	89.213
1	Chi đầu tư phát triển	22.056
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	5.056
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	17.000
2	Chi thường xuyên (1)	49.624
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	30.320
3	Dự phòng chi	1.207
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	16.326
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	9.059
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	249

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.635
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.383
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	69.684
1	Bổ sung cân đối	12.784
2	Bổ sung mục tiêu	16.326
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	40.574
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	5.056
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	30.320
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.552
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.434
	Quỹ tiền thưởng	868
	Kinh phí hoạt động	250
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	400
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	161
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	135
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	750

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ BÌNH HIỆP NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	5.056
1	Trường Tiểu học Tây An. HM: Xây 04 phòng chức năng và Khu hiệu bộ	2.100
2	Xây dựng, tu bổ tôn tạo di tích Đền thờ Văn Phong	227
3	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	528
4	Trường TH Bình Tân; hạng mục: Xây dựng 06 phòng học 2 tầng (điểm thôn Thuận Hòa)	298
5	Trường THCS Bình Tân; hạng mục: Khu hiệu bộ	297
6	Trường MN Tây An; hạng mục: Khu hiệu bộ	200
7	Trụ sở làm việc Công an xã Tây An, huyện Tây Sơn	58
8	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Tân, huyện Tây Sơn	98
9	Nghĩa trang Nhân dân phía Bắc huyện Tây Sơn	50
10	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang Nhân dân phía Bắc huyện Tây Sơn	50
11	Xây dựng mới Trạm y tế xã Tây An, huyện Tây Sơn	100
12	Trường Mầm non Bình Thuận; hạng mục: 07 phòng học, 03 phòng bộ môn	200
13	Trường Tiểu học Bình Thuận; hạng mục: 06 phòng bộ môn	150
14	Trường Tiểu học Bình Tân; hạng mục: 12 phòng học	200
15	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính cấp GCN QSD đất thôn M6, xã Bình Tân	500

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tây Sơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ BÌNH AN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	40.468
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	6.491
-	Thuế giá trị gia tăng	4.021
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	761
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	29
-	Thuế tài nguyên	1.680
2	Lệ phí trước bạ	2.967
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	28
4	Thuế thu nhập cá nhân	938
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	545
6	Tiền sử dụng đất	26.000
7	Phí và lệ phí	779
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	509
-	Lệ phí môn bài	140
-	Phí, lệ phí còn lại	130
8	Thu khác và phạt các loại	2.720
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	2.720
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	112.608
1	Chi đầu tư phát triển	29.054
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	8.054
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	21.000
2	Chi thường xuyên (1)	63.331
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	39.136
3	Dự phòng chi	1.625
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	18.598
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	11.325
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	252
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.638
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.383

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	87.587
1	Bổ sung cân đối	15.887
2	Bổ sung mục tiêu	18.598
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	53.102
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	8.054
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	39.136
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.021
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.664
	Quỹ tiền thưởng	1.080
	Kinh phí hoạt động	277
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	400
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	259
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	172
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	860

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG NĂM 2025
XÃ BÌNH AN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	8.054
1	Hệ thống mương tiêu đồng Bà Ha, Tây Vinh	798
2	Trường THCS Bình Thành. HM: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	1.500
3	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND và UBND xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn	160
4	Trụ sở làm việc HĐND & UBND xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn	1.792
5	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Thành, huyện Tây Sơn	198
6	Trường TH Bình Hòa; hạng mục: Khu hiệu bộ	297
7	Trường TH Tây Bình; hạng mục: Khu hiệu bộ	300
8	Trường MN Bình Hòa; hạng mục: Xây dựng 03 phòng học (GD thể chất + Tin/ngoại ngữ + GD nghệ thuật)	340
9	Trường THCS Tây Vinh; hạng mục: Khu hiệu bộ và trường rào cổng ngõ	356
10	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Thành, huyện Tây sơn	95
11	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn	98
12	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Bình, huyện Tây Sơn	60
13	Xây dựng mới trạm y tế xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn	60
14	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Long Thành, xã Bình Thành	200
15	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Mỹ An, phía Nam QL 19B xã Tây Bình	500
16	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chính trang khu vực tháp Dương Long	50
17	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực Đồng Ấu, xã Tây Vinh	50
18	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Bình Thành huyện Tây Sơn	50
19	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn	100
20	Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Gò Cây, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn	200
21	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Tây Bình	100
22	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bình Hòa	150
23	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bình Thành	600

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Tây Sơn hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ HOÀI ÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	21.185
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	17.950
-	Thuế giá trị gia tăng	13.650
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.300
2	Lệ phí trước bạ	1.090
3	Phí và lệ phí	320
-	Lệ phí môn bài	170
-	Phí, lệ phí còn lại	150
4	Thu khác và phạt các loại	1.825
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	1.825
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	101.698
1	Chi đầu tư phát triển	10.670
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	10.670
2	Chi thường xuyên (1)	71.136
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	43.390
3	Dự phòng chi	523
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	19.369
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	12.769
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	232
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.768
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.600
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	97.487
1	Bổ sung cân đối	14.652

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
2	Bổ sung mục tiêu	19.369
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	63.466
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	10.670
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	43.390
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.554
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.118
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	192
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	244
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	3.511
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	282
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	1.589
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	1.270

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ HOÀI ÂN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án, công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	10.670
1	Bê tông nhựa các tuyến đường trung tâm Thị trấn Tăng Bạt Hổ	800
2	Bê tông nhựa tuyến đường từ đường Hà Huy Tập đến giáp đường ĐT.638	500
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Trần Hưng Đạo đến cầu Lò Rèn	200
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ trung tâm xã đến Khu tái định cư cao tốc Bắc Nam	200
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ cầu Lò Rèn đến UBND xã	200
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Cây Sanh đi cầu Dừa	200
7	Xây dựng mới hội trường khối mặt trận đoàn thể	1.500
8	Trụ sở làm việc Công an xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	300
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Gò Bằng	300
10	Sửa chữa nâng cấp trường Mầm non Ân Đức Hạng mục: Nhà lớp học 3 phòng, 01 bếp ăn (điểm Gia Đức)	500
11	Trường Mầm non 19/4; Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học và phòng chức năng	2.000
12	Trường Tiểu học Thị trấn Tăng Bạt Hổ; Hạng mục: Xây dựng phòng bộ môn, khu hiệu bộ và bếp ăn	1.000
13	Xây mới nhà làm việc Trạm Y tế xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	400
14	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm Y tế xã Ân Phong, huyện Hoài Ân	400
15	Xây mới nhà làm việc Trạm y tế xã Ân Tường Đông	300
16	Cổng chào huyện Hoài Ân	400
17	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	1.470

Ghi chú: Số kinh phí nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Hoài Ân hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ ÂN TUỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	4.455
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.200
-	Thuế giá trị gia tăng	2.900
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	300
2	Lệ phí trước bạ	110
3	Phí và lệ phí	80
-	Lệ phí môn bài	30
-	Phí, lệ phí còn lại	50
4	Thu khác và phạt các loại	1.065
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	1.065
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	69.823
1	Chi đầu tư phát triển	6.700
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	6.700
2	Chi thường xuyên (1)	47.419
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	30.038
3	Dự phòng chi	401
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	15.303
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	9.794
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	13
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	183
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.548
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	765
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	68.248
1	Bổ sung cân đối	12.014
2	Bổ sung mục tiêu	15.303
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	40.931
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	6.700
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	30.038
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.971
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.641</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>144</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>186</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	286
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	896
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	840

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ ÂN TƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Tổng cộng		6.700
1	Bê tông xi măng hai tuyến đường chính và hệ thống tưới trong dự án trồng cây ăn quả (Đồng Đập)	1.000
2	Xây dựng hệ thống tưới Hóc Chấn thôn Tân Thịnh	500
3	Trụ sở làm việc Công an xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân	300
4	Trụ sở làm việc Công an xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân	300
5	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Ân Hữu, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và nhà bộ môn	2.000
6	Trường Mầm Non Ân Tường Tây; Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 06 phòng	1.000
7	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Hoài Ân Hạng mục: Nâng cấp các phòng lớp học	500
8	Sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Ân Hữu; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng	800
9	Xây mới nhà làm việc Trạm y tế xã Đăk Mang	300

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Hoài Ân hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ KIM SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.830
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.340
-	Thuế giá trị gia tăng	1.200
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	140
2	Lệ phí trước bạ	70
3	Phí và lệ phí	65
-	Lệ phí môn bài	25
-	Phí, lệ phí còn lại	40
4	Thu khác và phạt các loại	355
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	355
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	49.354
1	Chi đầu tư phát triển	4.800
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	4.800
2	Chi thường xuyên (1)	33.149
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.325
3	Dự phòng chi	281
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.124
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	5.410
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	13
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	214
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.722
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	765

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	48.730
1	Bổ sung cân đối	8.793
2	Bổ sung mục tiêu	11.124
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	28.813
-	<i>Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)</i>	4.800
-	<i>Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý</i>	20.325
-	<i>Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã</i>	2.238
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.852
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	165
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	221
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã</i>	200
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	312
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	418
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	520

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ KIM SƠN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	4.800
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Suối Tem đến nhà văn hoá T6	500
2	Trường Mẫu giáo vùng cao thôn T6 Bok Tới; Hạng mục: 02 phòng học, phòng chức năng, nhà hiệu bộ, bếp ăn	1.500
3	Trường Tiểu học Ân Nghĩa; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học - Điểm Phú Trị	1.000
4	Trường TH Ân Nghĩa; Hạng mục: Xây dựng mới phòng bộ môn - Điểm chính	1.000
5	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Ân Nghĩa; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	800

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Hoài Ân hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ VẠN ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	4.855
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.010
-	Thuế giá trị gia tăng	3.700
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	310
2	Lệ phí trước bạ	230
3	Phí và lệ phí	110
-	Lệ phí môn bài	30
-	Phí, lệ phí còn lại	80
4	Thu khác và phạt các loại	505
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	505
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	56.073
1	Chi đầu tư phát triển	4.312
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	4.312
2	Chi thường xuyên (1)	38.620
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.409
3	Dự phòng chi	384
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	12.757
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	7.960
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	13
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	156
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	3.863
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	765
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	54.827
1	Bổ sung cân đối	11.829
2	Bổ sung mục tiêu	12.757
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	30.241

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	4.312
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	21.409
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.495
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.086
	Quỹ tiền thưởng	188
	Kinh phí hoạt động	221
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	298
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	787
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	740

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ VẠN ĐỨC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	4.312
1	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	942
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ đập Lại Giang đến cầu bà Phú	200
3	Trụ sở làm việc Công an xã Ân Tín, huyện Hoài Ân	300
4	Trường TH Tăng Doãn Văn, thôn Thố Thạnh, Ân Thạnh (hạng mục: Khu hiệu bộ, phòng bộ môn)	500
5	Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Ân Tín; Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng (điểm Vĩnh Đức)	500
6	Xây mới nhà làm việc Trạm y tế xã Ân Thạnh	400
7	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	1.470

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Hoài Ân hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ ÂN HẢO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	2.295
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.480
-	Thuế giá trị gia tăng	1.300
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	180
2	Lệ phí trước bạ	270
3	Phí và lệ phí	95
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	-
-	Lệ phí môn bài	25
-	Phí, lệ phí còn lại	70
4	Thu khác và phạt các loại	450
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	450
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	58.768
1	Chi đầu tư phát triển	6.200
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	6.200
2	Chi thường xuyên (1)	38.042
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.110
3	Dự phòng chi	378
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	14.148
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	8.291
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	208
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.884
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	765
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	57.805

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
1	Bổ sung cân đối	11.993
2	Bổ sung mục tiêu	14.148
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	31.664
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	6.200
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	21.110
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.278
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.888
	Quỹ tiền thưởng	169
	Kinh phí hoạt động	221
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	200
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	338
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	738
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	800

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục vụ số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025

XÃ AN HẢO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	6.200
1	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn xã Ân Mỹ	200
2	Khắc phục lũ lụt năm 2020 và năm 2021, kè chống sạt lở bờ sông An Lão (thôn Mỹ Đức), xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân	800
3	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân	500
4	Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Ân Hảo Đông (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và nhà bộ môn)	1.000
5	Trường Tiểu học Ân Hảo Đông, hạng mục Nhà lớp học 03 tầng, nhà vệ sinh, nhà xe, sân, tường rào cổng ngõ	1.000
6	Sửa chữa, nâng cấp trường Tiểu học Ân Hảo Tây (Hạng mục: Nhà bộ môn)	1.000
7	Trường THCS Ân Hảo Đông; Hạng mục: Xây dựng phòng bộ môn, chức năng và khu hiệu bộ	1.000
8	Xây mới nhà làm việc Trạm y tế xã Ân Mỹ	400
9	Xây mới nhà làm việc Trạm y tế xã Ân Hảo Tây	300

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Hoài Ân hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ VÂN CANH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	21.592
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	21.300
-	Thuế giá trị gia tăng	15.300
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.000
2	Lệ phí trước bạ	100
3	Phí và lệ phí	140
-	Lệ phí môn bài	77
-	Phí, lệ phí còn lại	63
4	Thu khác và phạt các loại	52
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	52
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	86.062
1	Chi đầu tư phát triển	8.581
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	8.581
2	Chi thường xuyên (1)	70.207
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	38.697
3	Dự phòng chi	449
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	6.825
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.074
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	51
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	900
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	3.100
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.700
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	84.690
1	Bổ sung cân đối	21.518
2	Bổ sung mục tiêu	6.825
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	56.347
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	8.581
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	38.697
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	7.113
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	5.776
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	595
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	742
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	611
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	195
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	900

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ VÂN CANH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các dự án, công trình	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước (Đầu tư tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	8.581	1.910	6.671
1	Sửa chữa Trung tâm GDNN-GDTX huyện (HM: 02 dãy phòng học, nhà hiệu bộ)	2	2	-
2	Trường Mầm non Canh Hòa; Hạng mục: Xây dựng 02 phòng học, nhà ăn – bếp, Nhà hiệu bộ, Nhà vệ sinh, sân bê tông và cổng ngõ tường rào	34	34	-
3	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp 06 hạng mục bị hư hỏng nặng năm 2022 trên địa bàn huyện: Sửa chữa, khắc phục cống tràn Suối Khúc xã Canh Hiệp; Sửa chữa, khắc phục bờ kè Suối Phướng	2	2	-
4	Xây dựng tường rào, cổng ngõ Ban chỉ huy quân sự thị trấn Vân Canh và xã Canh Hòa	1	1	-
5	Tuyến đường nối từ QL 19C đến đường phía Tây (qua đường sắt)	483	483	-
6	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Mây (đoạn từ nhà Ga đến sân bay)	440	440	-
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông Tùy đến nhà ông Sơn (Hiệp Hà)	250	250	-
8	Trường THCS thị trấn (cơ sở 2), khu phố 3	518	518	-
9	Nghĩa trang nhân dân xã Canh Thuận	180	180	-
10	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông Tùy đến nhà ông Sơn (Hiệp Hà)	3.300	-	3.300
11	Nghĩa trang nhân dân xã Canh Thuận	1.371	-	1.371
12	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Mây (đoạn từ nhà Ga đến sân bay)	2.000	-	2.000

Ghi chú: Số kinh phí bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Vân Canh hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ CANH VINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	12.340
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	11.380
-	Thuế giá trị gia tăng	10.080
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.300
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
-	Thuế tài nguyên	
2	Lệ phí trước bạ	800
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Tiền sử dụng đất	
6	Phí và lệ phí	113
-	Lệ phí môn bài	53
-	Phí, lệ phí còn lại	60
7	Thu khác và phạt các loại	47
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	47
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	65.729
1	Chi đầu tư phát triển	1.787
	Bao gồm:	
-	Tiền sử dụng đất	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	1.787
2	Chi thường xuyên (1)	54.386
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27.701
3	Dự phòng chi	409
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	9.147
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.690
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	12
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	500

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	5.745
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.200
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	63.631
1	Bổ sung cân đối	18.780
2	Bổ sung mục tiêu	9.147
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	35.704
-	Chi đầu tư các danh mục huyện bàn giao về xã (2)	1.787
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	27.701
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức huyện chuyển về xã	4.299
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.483
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	354
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	462
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	300
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	360
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	75
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	322
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	860

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ CANH VINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Nguồn vốn trong nước	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	1.787	1.245	542
1	Xây dựng sân BTXM và sửa chữa tường rào các mặt còn lại của Trụ sở làm việc UBND xã Canh Hiệp	6	6	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	7	7	
3	Trường TH số 1 Canh Vinh; Hạng mục: 06 phòng học	222	222	
4	Xây dựng Trạm QLБVR Nha Sam Canh Hiệp	50	50	
5	Đường phía Tây huyện Vân Canh (đoạn từ xã Canh Hiền đến xã Canh Vinh)	960	960	
6	Dự án Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường bê tông giao thông nông thôn, thôn Tăng Lợi xã Canh Vinh	3		3
7	Đường phía Tây huyện Vân Canh (đoạn từ xã Canh Hiền đến xã Canh Vinh)	509		509
8	BTGPMB phục vụ công trình cấp điện làng Canh Tiến, xã Canh Liên	30		30

Ghi chú: Đối với số kinh phí bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách phường theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện Vân Canh hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ CANH LIÊN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	153
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	140
-	Thuế giá trị gia tăng	140
2	Lệ phí trước bạ	2
3	Phí và lệ phí	10
-	Lệ phí môn bài	5
-	Phí, lệ phí còn lại	5
4	Thu khác và phạt các loại	1
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	1
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	22.464
1	Chi đầu tư phát triển	102
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	102
2	Chi thường xuyên (1)	20.325
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.146
3	Dự phòng chi	168
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.869
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	602
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	21
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	140
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	446
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	660
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	22.437
1	Bổ sung cân đối	8.521
2	Bổ sung mục tiêu	1.869
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	12.047
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	102
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	10.146
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.206
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>977</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>103</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>126</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	0
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	83
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	0
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	260

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phục lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN
SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ CANH LIÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn vốn trong nước (nguồn đầu tư tập trung)
	Tổng cộng	102
1	Trường Mầm non Canh Liên; Hạng mục: Xây dựng 03 phòng học; Nhà hiệu bộ; Nhà ăn; Nhà bếp; Khu vệ sinh; Sân bê tông, cổng ngõ, tường rào	42
2	Xây dựng Trạm QLБVR Canh Liên	60

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ VĨNH THẠNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.550
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.150
-	Thuế giá trị gia tăng	2.900
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	250
2	Lệ phí trước bạ	200
3	Phí và lệ phí	120
-	Phí, lệ phí còn lại	120
4	Thu khác và phạt các loại	80
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	80
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	56.815
1	Chi thường xuyên (1)	52.265
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.712
2	Dự phòng chi	355
3	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	4.195
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.255
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	9
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	451
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	1.643
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	837
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	55.785
1	Bổ sung cân đối	17.068
2	Bổ sung mục tiêu	4.195
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	34.522
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	25.672
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.307
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.995
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	864
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	448
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	2.236
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	383
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	64
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	610

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ VĨNH THỊNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.335
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.100
-	Thuế giá trị gia tăng	850
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	250
2	Phí và lệ phí	75
-	Phí, lệ phí còn lại	75
3	Thu khác và phạt các loại	160
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	160
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	54.539
1	Chi thường xuyên (1)	48.710
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.334
2	Dự phòng chi	323
3	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	5.506
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.655
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	15
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	623
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	2.463
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	750
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	54.084
1	Bổ sung cân đối	15.992
2	Bổ sung mục tiêu	5.506
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	32.586

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	25.314
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.394
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	4.194
	Quỹ tiền thưởng	836
	Kinh phí hoạt động	364
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	606
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	393
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	79
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	550

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ VĨNH QUANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	740
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	650
-	Thuế giá trị gia tăng	400
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	250
2	Phí và lệ phí	30
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	30
3	Thu khác và phạt các loại	60
	Trong đó:	
-	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	60
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	56.062
1	Chi thường xuyên (1)	50.721
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.870
2	Dự phòng chi	446
3	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	4.895
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	1.401
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	33
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	626
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	2.085

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	750
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	55.842
1	Bổ sung cân đối	22.525
2	Bổ sung mục tiêu	4.895
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	28.422
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	22.840
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.000
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>2.784</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>908</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>308</i>
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	597
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	65
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	670

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ VĨNH SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	13.695
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	13.500
-	Thuế giá trị gia tăng	11.850
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.650
2	Phí và lệ phí	75
-	Phí, lệ phí còn lại	75
3	Thu khác và phạt các loại	120
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	120
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	51.481
1	Chi thường xuyên (1)	47.635
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.738
2	Dự phòng chi	355
3	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.491
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	850
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	36
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	506
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	1.349
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	750
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	48.586
1	Bổ sung cân đối	15.226
2	Bổ sung mục tiêu	3.491
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	29.869
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	24.718
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.818
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.861
	Quỹ tiền thưởng	691
	Kinh phí hoạt động	266
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	456
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	77
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	550

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ AN HÒA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	16.040
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	15.650
-	Thuế giá trị gia tăng	13.750
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.900
2	Lệ phí trước bạ	90
3	Phí và lệ phí	150
-	Phí, lệ phí còn lại	150
4	Thu khác và phạt các loại	150
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	150
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	72.946
1	Chi đầu tư phát triển	7.639
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	7.639
2	Chi thường xuyên (1)	52.148
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31.768
3	Dự phòng chi	295
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	12.864
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	5.312
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	15
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	709
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	4.852
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.976
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	69.425
1	Bổ sung cân đối	11.178
2	Bổ sung mục tiêu	12.864

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	45.383
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	7.639
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	31.768
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.174
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	3.349
	Quỹ tiền thưởng	377
	Kinh phí hoạt động	448
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường	250
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	575
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	68
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	266
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	643

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG NĂM 2025**

XÃ AN HÒA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	7.639
1	Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão	2.000
2	Đường đầu nối khu thương mại dịch vụ dân cư Đồng Bàu đến mốc giao thông phía đông xã An Hòa	1.928
3	Quy hoạch chung xây dựng xã An Quang	259
4	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư Soi Làng	273
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phía nam khu thương mại, dịch vụ và dân cư đồng Bàu	887
6	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Gò Cây Duối	320
7	Cắm mốc và pa nô công bố quy hoạch chung xây dựng xã An Quang	158
8	Nâng cấp các tuyến đường nội bộ thôn (Hạng mục: Tuyến Gò Cây Ưng và Gò Cây Si - Hưng Nhượng)	310
9	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội bộ thôn Vạn Xuân	320
10	Đường BTXM vào khu dân cư Cây Khế - Xuân Phong Nam	320
11	Đường BTXM vào khu dân cư Vườn Duyên - Vạn Khánh	300
12	Sửa chữa nhà bia nghĩa trang liệt sỹ xã An Hòa	160
13	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia tường niệm xã An Quang	46
14	Nâng cấp đường giao thông từ đường liên xã đến nhà ông The	48
15	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn 2	310

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện An Lão hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	5.300
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.880
-	Thuế giá trị gia tăng	4.300
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	580
2	Lệ phí trước bạ	110
3	Phí và lệ phí	160
-	Phí, lệ phí còn lại	160
4	Thu khác và phạt các loại	150
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	150
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	87.960
1	Chi đầu tư phát triển	9.209
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	9.209
2	Chi thường xuyên (1)	67.607
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	38.459
3	Dự phòng chi	424
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	10.720
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	7.912
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	34
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	363
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	2.221
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	190
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	86.564
1	Bổ sung cân đối	19.920
2	Bổ sung mục tiêu	10.720
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	55.924
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	9.209
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	38.459
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.077
	Trong đó:	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>4.131</i>
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>456</i>
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>490</i>
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	<i>250</i>
-	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã</i>	<i>1.882</i>
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	<i>105</i>
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	<i>204</i>
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	<i>738</i>

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ AN LÃO NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	9.209
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi huyện An Lão	1.000
2	Sửa chữa, nâng cấp 128 mộ liệt sỹ thuộc Nghĩa trang liệt sỹ xã An Tân	300
3	Sửa chữa, nâng cấp 286 mộ liệt sỹ thuộc Nghĩa trang liệt sỹ huyện	400
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Gò Đồn	45
5	Đê sông An Lão (Đoạn Vạn Long - Vạn Khánh - Trà Cong)	25
6	Quy hoạch chung xây dựng xã An Hưng	329
7	Quy hoạch chung xây dựng xã An Tân	362
8	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Nam Gò Bù	198
9	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư phía Tây (đoạn nối tiếp)	316
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Đông thôn Hưng Nhơn	198
11	Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm dân cư gắn liền khu sinh hoạt cộng đồng	241
12	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Gò Bù	286
13	Đường từ nhà ông Ly - Ngã hai nước (Giai đoạn 2)	320
14	Mở rộng đường An Tân - An Quang (Đoạn còn lại)	370
15	Nâng cấp đường nội bộ thôn Tân An (đoạn từ nhà ông Phước đến nhà bà Chuẩn)	320
16	Đoạn từ nhà ông Tầm đến hóc bà Diện (Giai đoạn 2)	161
17	Đường bê tông giao thông nội đồng đoạn từ ruộng ông Nhạng - Hóc hai thôn Thanh Sơn	488
18	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng khu dân cư thôn Gò Đồn	150
19	Nâng cấp đường nội bộ thôn Tân An (đoạn từ nhà ông Phước đến nhà bà Chuẩn)	320
20	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Thuận An (đoạn nối tiếp)	320
21	Đường BTNT Hóc Xoài - Đập Bờ Bạ (đoạn nối tiếp)	310
22	Gia cố mái taluy Suối 1 thôn Tân An	250
23	Đường nội bộ thôn Tân Lập	310
24	Mở rộng khu dân cư thôn Gò Đồn	320
25	Lâm viên khu tái định cư Gò Núi Một (G/đ 2)	350

Số thứ tự	Danh mục các dự án công trình	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
26	Đường bê tông nội đồng thôn Hưng Nhơn Bắc	263
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT 629 đến nghĩa địa Gò Thom	138
28	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ Khu phố Gò Búi	320
29	Đường bê tông nội đồng từ Hóc Xe đến bờ đập	250
30	Bê tông hoá đường GTNT Tuyến từ nhà ông Dương đến sau trường Tiểu học T1	199
31	Hệ thống nước sạch Thôn 5, xã An Hưng	350

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện An Lão hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ AN VINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	54.070
1	Chi đầu tư phát triển	2.470
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	2.470
2	Chi thường xuyên (1)	45.350
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.189
3	Dự phòng chi	442
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	5.808
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	4.227
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	54
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	299
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	1.140
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	88
II	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
III	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	54.069
1	Bổ sung cân đối	22.021
2	Bổ sung mục tiêu	5.808
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	26.240
-	Chi đầu tư các danh mục thị xã bàn giao về xã (2)	2.470
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	19.189
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thị xã chuyển về xã	3.034
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.412
	Quỹ tiền thưởng	272

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	350
-	<i>Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã, phường</i>	250
-	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về xã</i>	378
-	<i>Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách</i>	98
-	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	144
-	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng</i>	677

Ghi chú:

- (1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

XÃ AN VINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng cộng	2.470
1	Quy hoạch chung xây dựng xã An Trung	259
2	Quy hoạch chung xây dựng xã An Vinh	321
3	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ thôn TmangGhen	320
4	Nâng cấp, mở rộng đường BTNT từ nhà văn hoá thôn 8 đến Hồ Trong Thượng	320
5	Nâng cấp, mở rộng đường BTNT từ nhà văn hoá thôn 3 đến nhà văn hoá thôn 8	320
6	Nâng cấp, mở rộng đường BTNT Làng TmangCân	300
7	Đường BTNT từ Hồ Đèo Cạnh đến Đồng Trưa	310
8	XD tường rào cổng ngõ và sân nhà văn hóa thôn 1	320

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện An Lão hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ AN TOÀN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	27.900
1	Chi đầu tư phát triển	2.022
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	2.022
2	Chi thường xuyên (1)	21.841
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.353
3	Dự phòng chi	254
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.783
-	Bổ sung thực hiện các mục tiêu đã được HĐND cấp huyện giao dự toán đầu năm 2025 (không bao gồm kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng)	2.890
-	Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín	24
-	Kinh phí hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng đối tượng bảo trợ theo điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	143
-	Kinh phí thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	594
-	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	132
II	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
III	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	27.900
1	Bổ sung cân đối	12.817
2	Bổ sung mục tiêu	3.783
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	11.300
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về cấp xã (2)	2.022
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc cấp xã quản lý	6.353
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.716
	Trong đó:	
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.347
	Quỹ tiền thưởng	159
	Kinh phí hoạt động	210
-	Hỗ trợ chi hoạt động chung của xã	250
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, kinh tế khác từ cấp huyện về cấp xã	197
-	Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	90

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	101
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	571

Ghi chú:

(1): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(2): Chi tiết danh mục phụ lục số 02 kèm theo.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

XÃ AN TOÀN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Tổng cộng		2.022
1	Quy hoạch chung xây dựng xã An Toàn	321
2	Quy hoạch chung xây dựng xã An Nghĩa	321
3	Quy hoạch khu dân cư Thôn 01, Thôn 02, An Nghĩa	320
4	Xây dựng nhà vệ sinh tại nhà văn hóa Thôn 1,3,4,5	320
5	Sửa chữa nhà văn hóa xã và XD nhà để xe cơ quan	340
6	Duy tu, nâng cấp hệ thống thoát nước thôn 2	250
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đồ án: Mặt bằng khu định canh định cư xen ghép thôn 4, xã An Nghĩa	150

Ghi chú: Số thu tiền sử dụng đất nêu trên sẽ thông báo bổ sung cho ngân sách xã theo tiến độ thu tiền sử dụng đất đã thực hiện nộp vào ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách huyện An Lão hưởng bàn giao về ngân sách tỉnh hưởng)